

Truyện Cổ Tích Lịch Sử Việt

Sử Việt

Bá Đế

Ngày xưa, dưới triều Lê, vào thời Trịnh Nguyễn phân tranh nam bắc, giặc giã nổi lên tứ tung trong nước. Ở làng Đỗ Hải sát ven bờ biển miền Bắc thuyền bọn cướp bề Tàu ô thường hay ra vào đánh phá.

Một hôm, một chiếc thuyền trện lớn từ phía tây nam dong buồm thẳng vào vịnh Hạ Long, ngang đầu làng Đỗ Hải thì rẽ lái vào bờ, tìm đến chỗ vắng vẻ mà thả neo. Trên thuyền lớn ròng xuống một chiếc ghe nhỏ cho một vị tướng trẻ tuổi cùng năm người lính hộ vệ lên bờ.

Trên cánh đồng cỏ cạnh bãi bẽ, một cô gái đang cất cổ hát nghêu ngao. Vị tướng lắng nghe tiếng hát ngọt ngào hướng đi về phía ấy. Người con gái quê ngừng đầu lên, ngạc nhiên, sợ hãi thấy quan quân trước mắt vút liềm toan bỏ chạy. Vị tướng gọi lại cho biết mình là một hoàng tử họ chúa Trịnh đi tuần ngoài biển ghé qua đây, muốn vào làng. Cô gái cất cổ nghe nói trở nên bạo dạn, dẫn đường đi trước. Qua đỉnh một ngọn đồi nhìn ra khắp vùng, hoàng tử dừng chân dưới gốc cổ thụ im mát, ra dấu cho đám tùy tùng lui. Còn lại một mình với cô gái quê da thịt dẫy thì, hoàng tử kéo tay ôm choàng lấy vào lòng. Cô gái cố vùng vẫy gỡ ra song hai cánh tay khỏe mạnh càng siết chặt lại. Rồi chiếc áo gấm hoàng bào phủ lên lớp vải nâu sồng. Đến lúc cô gái quê mở mắt ra thì vị hoàng tử đã đâu mất, thấy bên cạnh mình một nén vàng óng ánh trên cỏ. Nàng đưa mắt nhìn ra phía biển, thấy chiếc thuyền buồm đã chạy xa phía Hạ Long, chỉ còn một chấm trắng trên nền trời. Tồn thương cả thể xác lẫn tâm hồn, nàng ứa nước mắt cầm nén vàng lên rồi mạnh tay quẳng vào bụi.

Từ ngày đó, cô gái cất cổ mất cả giọng hát hồn nhiên. Ba tháng sau, một hôm đội cỏ về nhà, nàng bỗng thấy hoa mắt, trời đất như sụp đổ, ngã lịm trên đường làng. Bụng nàng cứ lớn dần, bà mẹ nghi ngờ tra hỏi, nàng tình thật kể lại việc đã qua.

Bà mẹ không ngớt lời chửi mắng, nguyên rửa và đánh đập cô gái chữa hoang, rồi báo tin xấu hổ cho chồng hay. Để tránh tiếng nhục nhã với làng nước và khỏi phải phạt vạ, cả gia đình gồm ông bà nội, cha mẹ và cô chú, bà bác họp lại để xử. i đưa con gái bất hạnh. Muốn ém nhẹm tiếng xấu cho giòng họ, mọi người đồng ý bắt nàng thả trôi sông.

Nàng bị đưa xuống ghe, trói tay chân lại, buộc đá vào cổ, rồi chở ra ngoài khơi, ấy xuống biển. Khi quãng nàng xuống biển, lạ thay người con gái chữa hoang đeo nặng trĩu đá vẫn trôi lên mặt nước. Người ta phải lấy sào nhận xuống một hồi xác mới chịu chìm.

Song từ đó, ghe thuyền qua lại vùng này thấy cô gái thường hiển hiện trên sóng nước làm nhiều việc linh ứng. Dân chúng miền duyên hải lấy làm sợ hãi, dựng miếu thờ ở ngọn đồi trông ra biển, gọi là đền Bà Đế ngày nay hãy còn dấu tích.

Chàng Lía

Chiều chiều én liệng truông Mây,
Cảm thương chú Lía bị vây trong thành.

Ngày xưa, ở miền Bình Định, có một người đàn bà nhà quê góa chồng, sống với đứa con trai còn nhỏ tên là Lía. Mới lớn lên, Lía đã tỏ ra sức mạnh hơn chúng bạn, tánh tình ngang ngược, khảng khái. Nhà nghèo, thấy mẹ thường phải ăn uống cực khổ, Lía đi bắt trộm gà, chim về nấu cho mẹ ăn. Biết được con làm vậy, bà mẹ rầy la Lía mới chịu thôi. Thương mẹ vất vả, Lía đi ở giữ trâu cho một nhà phú hộ trong làng để lấy tiền đỡ cho mẹ già.

Thường ngày Lía học tập võ nghệ, bắt trẻ cùng lứa làm kiểu rước mình, tự xưng làm vua. Một hôm Lía bắt trâu của chủ làm thịt để khao đãi chúng bạn, bị chủ đuổi đi. Lía trở về nhà rồi nhờ mẹ già xin cho đi học ở nhà thầy đồ trong vùng. Nghe Lía là đứa trẻ ngỗ nghịch, cứng đầu, thầy dạy từ chối, song thấy bà mẹ già hết lời van nài và Lía tự nguyện sửa đổi tính nết nên rất cực cũng nhận cho vào hàng môn đệ. Học tập được ít lâu, Lía chia học trò ra làm hai phe, làm náo động cả trường. Lía lại cầm đầu một nhóm bạn học trường đêm đi bắt súc vật, lấy của cải các nhà giàu đem về giúp mẹ già và phân phát cho những người nghèo khó ở xóm làng. Hành động quấy rối của Lía khiến thầy đồ sợ vạ lây, phải mời bà mẹ đến để trả Lía về nhà.

Lía đã khôn lớn, thêm tin ở tài sức mình, thường ngày gặp việc bất bình là ra tay can thiệp, đương đầu với các kẻ thế lực dùng oai quyền, tiền bạc hiếp đáp dân lành. Một hôm Lía lên tỉnh, khôn khéo vận động vào làm thuộc hạ một viên đội tâm phúc của quan tỉnh. Từ đó, Lía chuyên lo tập luyện võ nghệ, học hành kinh sử, hy vọng một ngày kia đỗ đạt làm quan, để làm vui lòng mẹ già.

Đến kỳ thi, mặc dầu văn võ tinh thông, Lía làm bài đều đúng cả, song vì không chịu mang tiền đút lót như mọi người, Lía bị viên chánh chủ khảo đánh hỏng. Tức giận, Lía kéo đồ đảng đến nhà viên chánh chủ khảo kể tội rồi chặt đầu viên quan hối lộ, đoạn bắt luôn người vợ lẽ đem đi. Bị quan quân truy nã, Lía chiếm lấy một vùng hiểm trở tựa vào rừng núi làm căn cứ.

Từ khi ra mặt chống lại triều đình, Lía ngang dọc vùng vẫy một phương trừ gian diệt ác, lấy của nhà giàu giúp người nghèo, tiếng tăm lan rộng. Nhiều kẻ bất mãn với chế độ hà khắc, bất công của vua quan thời bấy giờ theo về cùng Lía khá đông. Triều đình ra trọng thưởng tiền bạc cho ai bắt nộp được đầu Lía.

Mấy lần bị bao vây ráo riết, Lía nhờ võ nghệ cao cường, nên đều thoát được dễ dàng. Người vợ viên chủ khảo đã bị Lía giết, bấy lâu theo Lía, cố chiều chuộng hầu hạ để lấy lòng tin tưởng của chàng, đợi dịp để trả thù cho chồng cũ và lãnh thưởng lớn. Lía không dè mà lo đề phòng sẵn nên một hôm, trong lúc cùng các đồng đảng đang chè chén say sưa tại sào huyệt ở rừng sâu, thì bọn quan quân kéo đến vây bắt. Người vợ lẽ đã thừa lúc chung quanh không ai để ý, lên đi báo quan hay chỗ đóng trại của Lía. Phần lớn bộ hạ của Lía bất ngờ không kịp đối phó đều bị hãm hại, còn Lía nhờ tài nhảy cao, phóng giỏi nên phi thân thoát khỏi vòng vây.

Lía bị thoát nạn, son phấn uất vì người làm bà làm nhục, đồ đảng tan rã, lại bị quan quân truy nã gắt gao. Trong lúc lẩn tránh, Lía ẩn tại nhà một ông lão nhà quê, nghĩ tức giận vì bị kẻ mỹ nhân, lòng tự ái bị xúc phạm, bèn lấy gươm tự cắt đầu mình trao cho ông già mang lên quan để lãnh thưởng.

Thương cho người dũng khí sa cơ, không muốn để chàng lọt vào quan quân, ông già lặng lẽ đem đầu chàng Lía bí mật đi chôn, không màng đến số tiền thưởng lớn lao của triều đình.

Cố Bu

Ngày xưa, vào thời vua Minh Mạng, ở Nghệ An có một người tên là Cổ Bu, tài trí khác thường, lại rất giỏi phép độn, bơi lặn tài tình có thể ở dưới nước rất lâu. Bất bình với chế độ đè nén của vua quan, Cổ Bu bèn chiếm vùng núi Trùng, một địa thế hiểm trở, làm căn cứ xưng hùng. Quan quân không phá vào chốn này được. Cổ Bu thường đi lấy của nhà giàu để giúp nhà nghèo, còn lại thì dùng để nuôi bộ hạ. Ai nghèo khó nhờ đến, Cổ Bu sẵn sàng giúp đỡ, ai muốn theo thì được đối xử tử tế. Nhờ thế mà Cổ Bu được cảm tình của dân.

Một ngày cuối năm, Cổ Bu về làng Long Phang viếng mộ cha mẹ, viên lý trưởng hay tin vội vàng đi báo huyện. Huyện báo lên tỉnh, tỉnh phái hai ngàn quân cùng mười voi, lưới sắt bao vây bắt Cổ Bu.

Biết chắc Cổ Bu còn ở tại làng, vòng vây của quan quân thắt chặt lại, quyết bắt cho kỳ được. Lệnh xuống cho quân tuần lũng xét khắp mọi nhà, hễ gặp Cổ Bu thì chém. Ai cũng lo ngại cho Cổ Bu chết phen này, nhưng Cổ Bu vẫn thản nhiên ngồi cười, nói: "Không hề gì, ta thoát khỏi như chơi". Rồi Cổ Bu lấy chiếu bó thành một bó giả làm xác chết, bảo hai người khiêng. Cổ Bu cầm cuốc, tên đầy tớ xách đuốc, vừa đi vừa khóc, ra tới ranh làng nhằm phía nghĩa địa. Quan quân thấy vây tướng đám chôn người thật, mà không biết mặt Cổ Bu ra sao nên để cho đi. Cổ Bu ra khỏi vòng vây, kêu lớn: "Cổ Bu là ta đây này, đó bắt được ta". Quan quân ùa đuổi theo, Cổ Bu nhảy xuống sông lặn mất. Lưới bỏ vây cả quãng sông, voi lội xuống nước tìm. Cổ Bu gỡ lọt khỏi lưới, trôi lên đầu mặt sông thách quan quân: "Đổ bay bắt ta được". Rồi dong tuốt lên rừng.

Một lần khác, Cổ Bu xuống làng ăn cưới, lý trưởng báo lên quan. Quan tính Cổ Bu có tài độn giỏi nên tìm một thầy độn đem theo để giúp sức bắt Cổ Bu. Quân vây cả bốn phía nhà có tiệc cưới, Cổ Bu mới làm phép độn, múc một bát nước đầy, lấy chiếc đĩa gác ngang qua miệng bát, làm phép độn bước qua rồi lên gác trốn. Quân ào vô nhà kiếm không thấy, quan mới bảo thầy độn xem thử Cổ Bu trốn đi đâu. Thầy độn tính một lúc rồi nói: "Cổ Bu đã trốn qua cầu sang sông rồi". Quan quân nghe theo bỏ ra về, Cổ Bu nằm trên gác thoát chết, nhờ đã gạt được thầy độn lấy bát nước làm sông, đĩa làm cầu bắc ngang nên thầy độn không bắt được.

Từ đó về sau, Cổ Bu cứ vùng vẫy một cõi, không ai bắt được, đến già chết mới thôi ngang dọc.

Cô Đào Giết Giặc

Ngày xưa, vào cuối thế kỷ XIV (1390), ở làng Chế Cầu, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, có hai vợ chồng người dân quê tên Lương, sinh được một đứa con gái xinh đẹp, đặt tên là Huệ. Khi lớn lên, vì không muốn phải xa cha mẹ nên Huệ nhất định không lấy chồng. Đến lúc song thân đều mất, nàng lên Thăng Long làm nghề đào hát. Biết bao vương tôn công tử ở kinh đô say theo sắc đẹp và giọng hát mê hồn của nàng.

Thuở ấy, quân nhà Minh đang chiếm đóng nước Nam. Trước cảnh lầm than của đồng bào sống dưới ách đô hộ tàn ác của giặc, tiếng đàn câu hát qua trận cười thâu đêm không làm cho cô đào Huệ quên được mối thù đất nước. Gương chị em hai bà Trưng, bà Triệu ngày xưa nhắc nhở, thúc dục nàng đem mình ra cứu nước.

Nghe tiếng Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn, được toàn dân hưởng ứng, nàng bèn tìm cách liên lạc. Sau đó, nàng mở một quán rượu nổi tiếng tại đất Thăng Long, tướng sĩ quân Minh thường ngày lui tới. Nhờ sắc đẹp và tài ăn nói, chiêu chuộng khách hàng, nàng dò la được biết tình hình của quân giặc.

Một hôm, nàng báo tin cho Lê Lợi hẹn ngày khởi sự "nội ứng ngoại công" để đánh chiếm kinh thành. Lê Lợi phái các tướng Lê Khôi, Đinh Liệt, Nguyễn Xí và Bùi Hưng Nhân mang quân ra Bắc.

Tối hôm ấy, đào Huệ bày tiệc lớn mời khắp các tướng tá quân Minh đến. Trong bữa tiệc, nàng dùng các cô gái đẹp để mời rượu, ép khách uống. Quân giặc không ngờ, bị phục rượu say mềm, không về được dinh trại. Đến nửa đêm, quân ta đã mai phục sẵn, vào quán bắt trói hết tướng tá quân Minh bỏ vào bao tải thả xuống sông Nhị. Đồng thời theo hỏa lệnh, quân sĩ Lê Lợi tiến đánh Thăng Long.

Đào Huệ bỏ mình trong trận mạc. Sau khi chiếm được kinh thành, nhớ công ơn cô đào đã hy sinh cứu quốc, Lê Lợi phong cho nàng làm Phúc Thần Kiến Quốc Trinh Liệt Phu Nhân, lập đền thờ ở huyện Thọ Xương (đường Hàng Trống bây giờ) gọi là đền Đông Hương.

Tương truyền rằng vào đầu nhà Lê, thôn Tự Tháp thuộc huyện Thọ Xương bị một trận hỏa hoạn lớn. Đang lúc lửa cháy lan dữ dội, người ta thấy ở trên một ngọn cây có một người đàn bà cầm cây quạt thần quạt tắt ngọn lửa. Nhờ đó mà cả vùng thoát khỏi làm mồi cho bà hỏa.

Dân chúng nhớ ơn gọi là Tháp Bà, quanh năm đèn hương nghi ngút ở đền. Người ta còn gọi đào Huệ là Ngọc Kiều Phu Nhân. Vì kiêng tên và nghề nghiệp của đào Huệ nên người ta tránh không dùng đến hoa huệ và mời ả đào hát trong dịp cúng lễ ngày húy kỵ của nàng.

Công Chúa Huyền Trân

Ngày xưa, vào đời nhà Trần, vua Trần Nhân Tông sau khi đã truyền ngôi cho con là Trần Anh Tông, lên tu ở núi Yên Tử, mền cảnh núi sông thường hay đi du ngoạn các nơi, vào đến đất Chiêm. Trong khi ở Chiêm Thành, vua Chế Mân biết du khách khoác áo cà sa là Thượng Hoàng nước Việt, nên lấy tình bang giao mà tiếp đãi nồng hậu. Không rõ Thượng Hoàng vân du có ý định mở mang bờ cõi cho đất nước về phía nam không, hay vì cảm tình đối với ông vua trẻ tuổi Chiêm Thành mà hứa gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân.

Vua Chiêm cử sứ giả Chế Bồ Đà cùng đoàn tùy tùng hơn trăm người mang vàng bạc, châu báu, trầm hương, quý vậy sang Đại Việt dâng lễ cầu hôn. Triều thần nhà Trần không tán thành, chỉ có Văn Túc Đạo Tái chủ trương việc gả.

Vua Chế Mân tiến lễ luôn trong năm năm để xin làm rể nước Nam, rồi dân hai châu ô, Ly (từ đèo Hải Vân Thừa Thiên đến phía bắc Quảng Trị ngày nay) làm sinh lễ cưới công chúa Huyền Trân về nước.

Huyền Trân làm hoàng hậu nước Chiêm Thành được một năm thì vua Chế Mân mất. Thế tử Chiêm phái sứ giả sang Đại Việt dâng voi trắng và cáo về việc tang. Theo tục lệ nước Chiêm, vua mất thì cung phi phải lên hỏa đàn để tuần táng. Vua Trần Anh Tông hay tin vua Chiêm mất, sợ em gái là công chúa Huyền Trân bị hại, bèn sai võ tướng Trần Khắc Chung hướng dẫn phái đoàn sang Chiêm Thành nói thác là điếu tang, và dặn bày mưu kế để đưa công chúa về. Trần Khắc Chung trước kia đã có tình ý với Huyền Trân, song rồi vì việc lớn, cả hai cùng dẹp bỏ tình riêng, ngày nay lại được vua giao phó nhiệm vụ đi cứu công chúa.

Sang đến nơi, Trần Khắc Chung nói với thế tử Chiêm Thành rằng: "Bản triều sở dĩ kết hiếu với Vương quốc vì vua trước là Hoàn Vương, người ở Tượng Lâm, thành Điện Xung, là đất Việt thường; hai bên cõi đất liền nhau thì nên yên phận, để cùng hưởng hạnh phúc thái bình cho nên gả công chúa cho Quốc vương. Gả như thế vì thương dân, chứ không phải mượn danh má phấn

để giữ trường thành đầu! Nay hai nước đã kết hiếu thì nên tập lấy phong tục tốt. Quốc vương đây mất, nếu đem công chúa tuấn táng thì việc tu trai không người chủ trương. Chi bằng theo lệ tục bản quốc, trước hãy ra bãi bể để chiêu hồn ở trên trời, đón linh hồn cùng về rồi mới hỏa táng sau".

Lúc bấy giờ các cung nữ của Huyền Trân biết rằng công chúa sẽ bị hỏa táng, nhưng không biết làm thế nào, thấy sứ Trần Khắc Chung tới mới hát lên một câu ngụ ý cho sứ Nam biết mà lo liệu cứu công chúa khỏi bị lên thang hỏa đàn:

Đàn kêu tích tịch tình tang,

Ai đem công chúa lên thang mà ngồi.

Người Chiêm Thành nghe theo lời giải bày của Trần Khắc Chung, để công chúa Huyền Trân xuống thuyền ra giữa bể làm lễ Chiêu Hồn cho Chế Mân. Trần Khắc Chung đã bố trí sẵn sàng, cỡi một chiếc thuyền nhẹ chực sẵn trên bể, đợi thuyền chở công chúa ra xa, lập tức xông tới cướp công chúa qua thuyền mình, dong buồm ra khơi nhắm thẳng về phương bắc. Huyền Trân công chúa gặp lại người tình cũ đến cứu mạng về, hoa xưa ong cũ ai ngờ còn có ngày tái ngộ, đôi trai tài gái sắc kéo dài cuộc tình duyên trên mặt biển, hơn một năm mới về đến kinh.

Về sau, các văn nhân thi sĩ cảm hứng về quãng đời lịch sử của công chúa Huyền Trân, đã mượn điệu hát, lời thơ mà làm nên nhiều bài còn truyền tụng đến ngày nay.

Như khúc "Nước non ngàn dặm" theo điệu Nam Bình, mà có kể cho rằng chính công chúa đã soạn ra trong lúc đi đường sang Chiêm quốc:

Nước non ngàn dặm ra đi...

Mối tình chi!

Mượn màu son phấn

Đền nợ Ô, Ly.

Xót thay vì,

Đương độ xuân thì.

Số lao đao hay là nợ duyên gì?

Má hồng da tuyết,

Cũng như liêu hoa tàn trắng khuyết,

Vàng lộn theo chì.

Khúc ly ca, sao còn mượn tượng nghe gì.

Thấy chim lồng nhận bay đi.

Tình lai láng,

Hương dương hoa quì.

Dặn một lời Mân Quân:

Như chuyện mà như nguyện

Đặng vài phần,

Vì lợi cho dân,

Tình đem lại mà cần,

Đắng cay muôn phần.

Một nhà thơ khác vịnh Huyền Trân công chúa:

Đổi chác khôn ngoan khéo nức cười.

Vốn đà không mất lại thêm lời.

Hai châu ô, Lý vương nghìn dặm,

Một gái Huyền Trân của mấy mươi?

Lòng đỏ khen ai lo việc nước,

Môi son phải giống mãi trên đời?

Châu đi rồi lại châu về đó,

Ngơ ngẩn trông nhau mấy đũa Hời!

Trong dân gian, người ta than tiếc cho công chúa Huyền Trân:

Tiếc thay cây quế giữa rừng,

Để cho thằng Mọi thằng Mường nó leo.

Tiếc thay hột gạo trắng ngần,

Đã vo nước đục lại vẩn lữa rơm.

Đình Bộ Lĩnh

Ngày xưa, ở làng Đàm Gia, châu Đại Hoàng, có một người tên Đình Công Trứ, làm nhà tướng cho vị đầu mục Dương Diên Nghệ, sau trở nên thứ sử đất Hoan Châu. Về già, ông Trứ lui về quê cùng người vợ trẻ là Đàm Thị.

Một hôm Đàm Thị đi tắm một mình ở dòng suối gần nhà, để quần áo ở bụi cây trên bờ, toan bước xuống nước bỗng thấy một con rái cá to lớn hiện lên tiến về phía mình. Đàm Thị sợ hãi ngất đi, đến lúc tỉnh dậy thì thấy mình nằm ở trên cỏ, bên cạnh có con rái cá ú ắp liếm tay bà. Bàng hoàng đứng lên, bà vội mặc quần áo lại về nhà, dấu chồng việc lạ thường đã xảy ra.

Cách đó ít lâu, Đàm Thị có thai, ngờ rằng con rái cá kia là Thần Nước hiện ra đi lại với bà. Đến ngày, bà sinh được một đứa con trai khỏe mạnh, khôi ngô khác thường. Vài năm sau, ông Trứ chết đi, cũng không hề biết rằng đứa con kia không phải là dòng máu của ông.

Về sau, dân làng đánh bắt được con rái cá ở suối, giết ăn thịt rồi vớt xương đi. Đàm Thị nhặt xương con rái cá đem về gói lại treo ở bếp.

Đứa con trai lớn lên, tỏ ra sức khỏe, thông minh hơn người, giỏi về bơi lội, có thể ở lâu dưới nước hàng giờ. Đàm Thị đặt tên con là Đình Bộ Lĩnh.

Một hôm, có thầy địa lý Tàu đến trong vùng tìm đất có long mạch để táng cốt cha đem theo, tới gần bờ suối nhận thấy có một ánh hào quang đỏ chiếu thẳng lên sao Thiên Mã. Thầy địa lý không biết lặn mới thuê người xuống đáy nước xem. Đình Bộ Lĩnh nhận lời lặn xuống dưới chỗ vực sâu nước chảy mạnh, thấy một con ngựa đá đang trừng mắt há miệng nhìn mình, hoảng sợ trở lên nói cho thầy Tàu hay Y liền bảo Đình Bộ Lĩnh lấy một nắm cỏ đem xuống nhử vào mồm ngựa đá, thì ngựa há miệng ra nuốt lấy.

Khi nghe Bộ Lĩnh lên kể lại rằng ngựa đã đớp lấy cỏ, thầy địa lý không dấu được nổi vui mừng, kêu lên: "Đúng long mạch rồi! Ai táng cốt ông cha vào đấy thì sẽ được phát đế vương". Rồi y trao cho Đình Bộ Lĩnh một gói xương bọc trong cỏ bảo mang xuống cho vào ngựa đá. Đình Bộ Lĩnh cầm lấy lặn xuống nước, nhét gói xương dưới một khe đá rồi trở lên bảo đã đưa cho ngựa nuốt rồi. Thầy địa lý Tàu tưởng thật mừng rỡ liền thưởng tiền cho Đình Bộ Lĩnh và hứa hẹn sau này lên làm vua sẽ ban cho nhiều vàng bạc nữa.

Đình Bộ Lĩnh chạy về nhà thuật lại việc này cùng mẹ rồi hỏi cốt cha ở đâu. Đàm Thị lúc bấy giờ mới nói thật cho con hay rằng Đình Công Trứ chỉ là cha nuôi, và trao gói xương rái cá cho Đình Bộ Lĩnh. Lĩnh lấy cỏ bọc mớ xương rồi lặn xuống vực đưa cho ngựa đá nuốt đi.

Từ đó Đình Bộ Lĩnh sinh ra can đảm khác thường, các trẻ chăn trâu bò đều nể sợ, bầu lên làm tướng. Lĩnh bày trận giả, sai lũ trẻ bẻ hoa lau làm cờ, chặt tre làm khí giới, rồi mấy đứa làm kiệu cho Lĩnh ngồi đi đánh nhau với trẻ làng khác. Một hôm, Lĩnh hội các trẻ ở ngoài đồng, bắt con trâu của chú sai đi chăn bò làm thịt để mở tiệc khao quân. Ông chú ở nhà nghe tin vác gậy đi tìm, đến nơi chỉ thấy một chiếc đuôi chôn chặt ở đất, hỏi trâu thì Lĩnh nói trâu đã chui mắt xuống đất rồi. Người chú tức giận đuổi đánh, Lĩnh chạy đến khúc suối, bí đường nhảy xuống nước, bỗng có con rồng vàng hiện ra cõng Lĩnh qua.

Về sau Đinh Bộ Lĩnh dấy lên ở Hoa Lư, dẹp loạn các sứ quân, đánh đầu thắng đó, tự xưng là Vạn Thắng Vương. Lời tiên đoán của thầy địa lý Tàu thực hiện: Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi làm vua, gọi là Tiên Hoàng, niên hiệu Đại Cồ Việt.

Tục truyền rằng thầy địa lý Tàu trở sang đến nơi thì đã thấy Đinh Tiên Hoàng dựng xong cơ nghiệp, biết họ Đinh được đất ấy rồi, bèn lập mưu để phản lại, mới xin vào triều, yết kiến: "Tâu bệ hạ, ngài được ngôi đại địa, cũng bởi phúc mà trời cho, nhưng có ngựa thì phải có gươm mới tung hoành lâu dài được, vậy ngài nên cho để một thanh gươm trên cổ ngựa mới hay".

Rồi dâng lên vua một thanh gươm trần hai lưỡi rất sắc. Đinh Tiên Hoàng tưởng thật mới sai lấy thanh gươm buộc trên cổ ngựa, không ngờ lưỡi gươm theo sức nước cuốn dần dần cắm sâu vào cát lia cổ. Ngựa đứt đầu lồi cuốn theo sự xục đổ của Đinh Tiên Hoàng, chắm đứt triều đại ngắn ngủi của nhà Đinh.

Đoàn Thượng

Ngày xưa, dưới triều vua Huệ Tông nhà Lý, có một tướng tên là Đoàn Thượng quê làng Hồng Thị, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương, có sức khỏe phi thường, xương cứng như đồng, da rắn tựa sắt, mỗi lần ra trận chỉ mang theo một thanh đao và một mình một ngựa có thể chống lại với hàng vạn quân địch, chưa hề một lần nào thua.

Đến khi Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi nhà Lý lại cho Trần Thái Tông lên làm vua, Đoàn Thượng bèn chiếm lấy vùng mình ở, không chịu thần phục triều mới.

Quân sư Trần Thủ Độ sai sứ đến dụ hàng, Đoàn Thượng đuổi về, rồi tụ tập binh mã tự xưng là Đông Hải Vương, mưu đồ khôi phục cho nhà Lý. Trần Thủ Độ nhiều lần đem quân đi đánh nhưng không thắng nổi, bèn lập kế một mặt phái người đến thương thuyết giảng hòa, còn một mặt cho tướng Nguyễn Nộn bí mật mang quân đi vòng để thừa cơ đánh úp.

Đoàn Thượng không dè quỷ kế của đối phương nên chẳng đề phòng cẩn thận. Nguyễn Nộn kéo quân đánh bọc hậu, Trần Thủ Độ cầm đầu đại binh mã tấn công mặt tiền, hai đạo quân của nhà Trần đánh cả hai mặt, bao vây quân Đoàn Thượng vào giữa. Trong khi thấy quân mình bỏ chạy tứ tán, Đoàn Thượng quay ngựa xông vào tiền quân đối phương, chẳng dè một võ tướng nhà Trần theo sau lưng bất ngờ chém gần đứt lia đầu. Mặc dầu bị tử thương, Đoàn Thượng quay lại chống cự, tướng Trần hoảng sợ bỏ chạy. Đoàn Thượng tháo thắt lưng buộc vào cổ giữ cho đầu khỏi rơi rồi thực ngựa phóng về phía đông. Binh sĩ nhà Trần thấy khí thế dữ dội của Đoàn Thượng đều tránh dạt mở đường cho đi.

Chạy đến làng An Nhân, Đoàn Thượng thấy một ông cụ già khăn áo chỉnh tề đứng một bên đường chấp tay vái mà rằng: "Chào tướng quân, Ngọc Hoàng thượng đế đã chọn tướng quân làm thần xứ này, ở trên đồi làng kia là đất của tướng quân, xin tướng quân nhận cho".

Đoàn Thượng gạt đầu rồi đến nơi ông lão đã chỉ, xuống ngựa, nằm gối đầu lên thanh đao, rồi tắt thở. Mỗi đùn đất lên thì thể Đoàn Thượng làm thành một ngôi mộ.

Dân làng thấy thế bèn dựng đền vào nặn tượng để thờ. Về sau, đền bị vỡ, nước lụt cuốn trôi pho tượng đến giữa làng, dân lập thêm một đền thờ khác gần bờ sông Hồng.

Hà Ô Lôi

Ngày xưa, về đời vua Trần Dụ Tông, có Đặng Sĩ Dinh, ở làng Ma La làm quan An phủ sứ. Năm Thiệu Phong thứ ba, vâng mệnh vua đi sứ nước Tàu, để vợ là Vũ Thị ở nhà.

Nguyên làng này có một đền thờ thần Ma La, nhân dịp ấy đến đêm thần hiện ra người, hình dung cử chỉ chẳng khác nào Sĩ Dinh rồi vào phòng Vũ Thị cùng nhau giao hoan, đến gà gáy lại biến đi mất. Đêm sau, Vũ Thị hỏi rằng: "Chàng vâng mệnh vua đi sứ Tàu, sao thường đêm lại về nhà sáng ra lại không thấy"? Thần nói dối rằng: "Vua đã sai người khác thay ta, mà ta thì ngài bắt ở cạnh ngài để hầu cớ không cho ra ngoài, nhưng ta nghĩ tình vợ chồng lên trộm về để cùng nàng ân ái, mờ sáng phải vội vào châu, không dám trì hoãn". Nói xong, gà gáy lại đi, Vũ Thị trong bụng lấy làm nghi lắm.

Được một năm, Sĩ Dinh đi sứ về thấy Vũ Thị có thai đã gần đẻ, bèn làm trạng tâu vua, Vũ Thị liền bị hạ ngục. Đêm ấy, vua mộng thấy thần đến tâu rằng: "Tôi là thần Ma La lấy vợ là Vũ Thị có thai mà bị Sĩ Dinh cướp mất". Vua kinh ngạc tỉnh dậy, đến sáng mai sai quân giữ ngục đưa Vũ Thị ra mà phán rằng: "Vợ thì trả cho Sĩ Dinh, con thì giao lại thần Ma La". Ba ngày sau, Vũ Thị sinh được một bọc đen, xé ra được một đứa con trai đen như mực. Năm lên 12 tuổi vì thần không có họ, vua bèn đặt họ Hà tên ô Lôi. Da ô Lôi tuy đen nhưng đen nhoáng như mỡ. Năm 15 tuổi, vua triệu vào hầu cận, rất yêu và đãi làm bậc tân khách.

Một hôm ô Lôi đi chơi gặp tiên Lữ Động Tân hỏi: "Đứa bé kia người muốn gì không"? Đáp rằng: "Ngày ngày thiên hạ thái bình, nước nhà vô sự, xem phú quý cũng như mây nổi, chỉ muốn được cái giọng hay, sắc đẹp để làm vui tại mắt chơi thôi". Động Tân cười mà rằng: "Giọng hay sắc đẹp của người rồi sẽ một hay một dở. Nhưng ta cũng cho cái tuyệt kỹ ấy để lưu tên một thời". Bèn bảo ô Lôi há miệng lưỡi ra mà nhỏ nước bọt vào bảo nuốt đi, xong rồi cười mây đi mất. Từ đó Hà ô Lôi tuy không biết một chữ gì cả nhưng thông minh, biện bạch giỏi hơn người, làm được cả tứ phú thơ ca Cái giọng ca hát ngâm vịnh của anh chàng như cột gió bốn trăng, mây bay, nước chảy, làm cho người ta để ý và thích nghe. Thường đi chơi các chùa miếu cầu đồ nhân ngâm dật hứng, đi khỏi rồi mà cái dư âm còn vọng vọng, đàn bà con gái lại càng muốn xem cho được mặt anh tạ Vua thường truyền lệnh ở triều rằng hễ ô Lôi có phạm gian con gái nhà ai, bắt được giải đến vua, sẽ bắt ta tiền một nghìn quan. Nếu ai tự tiện giết hay làm bị thương thì phải bồi thường một vạn quan.

Bấy giờ trong tôn thất có bà quận chúa tên là A Kim, hiệu nàng là Kim Liên, năm 23 tuổi chồng chết ở góa thủ tiết. Bà quận chúa có một sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành, trong đời chẳng một ai sánh kịp. Vua vẫn có lòng yêu muốn chung tình mà không được, nên giận thường để bụng. Một hôm bảo ô Lôi rằng: "Mày có cách gì để ta chung tình với nàng chăng"? ô Lôi tâu: "Hạ thần xin hẹn trong một năm, như không thấy hạ thần về, ấy là mưu không thành, hạ thần đã chết rồi vậy". Tâu xong lạy tạ ra đi.

Về đến nhà, ô Lôi bỏ cả quần áo rồi xoa đất bùn vào người, đoạn ra trời dầm dãi nắng mưa cho nhớp nhúa. Lại đóng một cái khố, cầm một cái liềm, quây hai sọt tre giả làm anh chẵn ngựa đến nhà Quận Chúa, cho tên coi cổng một gói trầu để xin nó vào vườn cắt cỏ. Buổi ấy vào khoảng tháng năm hoa lài đang đại hội nở, ô Lôi cắt hết hoa bỏ vào sọt. Thị tỳ thấy vườn hết hoa bèn hô người bắt ô Lôi lại, để đợi người tới chuộc, bắt họ bồi thường tiền hoa. Ô Lôi nói rằng: "Tôi vốn là kẻ phiêu lạc không nhà chủ, không cha mẹ, thường đi làm thuê gánh mướn kiếm ăn. Vừa rồi có một ông quan buộc ngựa ở cửa thành Nam, ngựa đói không có cỏ ăn, có cho tôi nắm tiền bèo cắt gánh cỏ. Tôi được tiền lấy làm mừng liền đi cắt, không biết cây lài là vật chi, chắc cũng là cỏ cả. Nay không có gì bồi thường, tôi xin làm đầy tớ để đền nợ hoa". Bèn lưu ở ngoài cửa hơn một tháng, bọn thị tỳ thấy đói khát thương cho ăn uống. Ban đêm ô Lôi thường ca hát cho người canh cổng nghe, bọn thị tỳ và nấu bếp trong nhà chúa, thấy chàng hát lại nghe và đều nhìn mặt cả, ai nấy đều quên mất tâm chí mà vui nghe tiếng hát. Có một lần trời đã hoàng hôn mà đèn

chưa thấp, Quận chúa ngồi mò, gọi tả hữu không có một ai, giận quá bèn gọi về trách tội bỏ trẻ công việc hầu hạ, toan nọc xuống đánh. Họ lạy tạ mà rằng: "Có đũa sắt cõ hát hay quá, chúng tôi mãi nghe quên mất cả, đến nỗi như vậy chúa có nọc đánh cũng xin cam chịu tội". Quận chúa cũng làm ngơ không hỏi đến.

Một đêm mùa hè trời nóng nực, chúa cùng các thị tỳ ngồi ngoài sân hóng gió trông trăng bỗng nghe cách bức tường có tiếng hát của ô Lôi như khúc nhạc ở trên trời đưa xuống chớ chẳng phải tiếng người nữa. Quận chúa bấy giờ say mê, rất vui lòng, bèn cho ô Lôi vào làm đầy tớ nhà trong để sai vặt và để nghe cho gần, thường bắt chàng ca hát để tả mối tình uất kết. Từ đó ô Lôi càng ra công hầu hạ quận chúa để mua chuộc lòng yêu, ngày thì hầu bên cạnh, đêm thấp đèn châu chực, lạnh lẹn được việc, hoặc khi chúa sai ca hát thì cất giọng lanh lảnh ra ngoài. Ô Lôi có bài hát cợt gió rằng:

Nhớ gió xưa ở trong trái đất,
Từ hang sâu phát phớ bay ra.
Ngày xuân lãng uyển la đà,
Ấy ai đưa lại lần la chốn này,
Vào song bắc vui ngày thái cổ,
Sang đài hè mừng rỡ Tương Vương.
Đưa dương liễu, đón hải đường,
Sầu này gỡ hộ cô nương này đây.
Lại có bài thơ cười trắng:
Tựa bàn ngọc âm tinh là chất,
Mảnh trắng này vốn thật đa đoan.
Đông tây luống những bàng hoàng,
Khi đầy khi thiếu chẳng toàn in nhau.
Mượn ánh sáng bóng câu rục rở,
Yêu chị Hằng mà ở trên cao,
Vời trời đất mãi sống lâu,
Long lanh một dạ khi nào có người.

Giọng hát của ô Lôi khiến cho chim cá phải lắng nghe. Quận chúa nhân cảm động thành bệnh sầu tư, trải ba bốn tháng bệnh càng thêm nặng. Các thị tỳ hầu hạ thuộc thang đã lâu mệt quá, một khi đêm khuya ngủ mê, chủ gọi không dậy, chỉ có một mình ô Lôi ứng chực vào hầu, cái u tình của chúa không ngăn cấm được, nhân bảo rằng: "Cái giọng hát của người làm mê mệt tinh thần ta, làm ta yêu mến đến nỗi như vậy. Vừa rồi người ở giữa sân hát mấy câu mà gió ùn ùn thổi, mây từ từ lại, vật còn như thế huống chi người rủ vì giọng hát người mà làm ta sinh bệnh nên ta cũng không nề hà gì trên dưới, người nếu thiệt biết chung nghĩa sắt cầm thì không phiền gì đến thầy thuốc mà bệnh lành vậy"! ô Lôi từ chối, chúa lại nói: "ôi! Người làm lắm! Lấy cái giọng hơn đời sánh với cái nhan sắt tuyệt thế, sao lại chẳng được mà lại phải bắt ta nói đi nói lại. Người quá câu nệ làm bệnh ta khó lành". Ô Lôi vâng dạ. Quận chúa bèn cùng anh chàng dan díu quên mất cả bên xấu bên đẹp và chẳng đoái tiếc gì nữa. Bệnh dần dần khỏi mà tình ái càng tăng. Quận chúa còn muốn tậu ruộng làm nhà cho tình nhân nhưng anh chàng đáp rằng: "Tôi vốn không có nhà cửa nay gặp chúa chẳng khác gì thiên tiên thực là hạnh phúc, tôi chẳng xin ruộng nương, châu báu vàng bạc gì cả, chỉ xin chúa cho cái mũ tiến triều giát bằng ngọc mà đội thì chết mới nhắm mắt". Cái mũ ấy vốn của Đức tiên đế ban cho để những ngày triều hạ, lễ tất thì đội vào châu. Vậy mà chúa cũng cho ô Lôi không tiếc. Ô Lôi được mũ, trốn thẳng về đội vào châu vua, vua rất mừng bèn ra lệnh vời quận chúa tiến triều rồi sai ô Lôi đội mũ ngọc vào trước đứng hầu bên cạnh. Vua thấy Quận chúa đến bèn chỉ ô Lôi mà hỏi rằng: "Nhà người có quen người này chẳng"? Quận chúa thẹn thùng vô kể.

Từ đó ô Lôi nhờ giọng hát được nổi tiếng trong nước. Buổi ấy anh chàng có câu thơ tự vịnh rằng:

Chín đả nấu đến làm tội,
Ngộ chữ Thiên phúc để cha Lôi.

Con gái người nhà vương hầu thường chê cười có câu:
Dùng chi mặt mũi chấy mà lem,
Kẻ chộ người quờ mấy dèm,
Nhân có hoàng kim cùng quốc sắc.
Thấy nàng men đến thử dòm xem.

Dẫu rằng cười cái hình dạng nhưng chung quy bị giọng hát anh ta cám dỗ, tránh không nổi mà thường tư thông với nữa. Ô Lôi cũng lấy giọng hát mình để gợi tình rồi thông gian với con gái người ta. Thiên hạ sợ lệnh vua, không ai dám bắt vì sợ phải bồi tiền. Từ đó ô Lôi lại tư thông với con gái vương hầu, cũng không ai dám bắt. Sau thông gian với con gái Minh Uy Vương. Vương bắt được nhưng chưa giết. Sáng hôm sau Vương vào châu quỳ tâu vua rằng: "Đêm qua ô Lôi vào nhà thần, tối tăm không biết là ai trót đánh chết, vậy số tiền đền bao nhiêu, thần xin nộp"? Vua ngỡ là chết rồi, bèn phán rằng: "Thôi đừng đêm không biết là ai đã trót giết đi, không phải đền nữa". Bởi vì Minh Uy Vương là người thân của Thánh hoàng hậu nên vua không bắt tội. Vương về nhà dùng trượng đánh ô Lôi mà không chết liền bỏ vào cối giã mới chết. Khi sắp chết ô Lôi có thơ quốc ngữ rằng:

Tử sinh do mệnh quản nài sao?
Nam nhi miễn được chí anh hào
Chết vì thanh sắc cam đành chết
Chết ốm đau nên cơm cháo nào?
Ngày trước Lữ Động Tân có răn rằng giọng hay sắc đẹp một hay một dở cân nhau, nay mới biết là nhiệm.

Khế Ngọt Đổi Vàng

Ngày xưa, có hai anh em cha mẹ mất sớm. Người anh tham lam chiếm cả phần gia tài chỉ để cho vợ chồng người em một túp lều tranh, với một cây khế ngọt. Hai vợ chồng người em hiền hậu, đành vui phận nghèo, đi làm thuê gánh mướn, chăm nom cây khế để bán quả sống lần hồi.

Nhưng đến mùa khế chín thì sáng nào cũng có con chim quạ rất lớn đến ăn hại quả; chị vợ đuối thế nào cũng không được, buồn bã ngồi xuống gốc cây phàn nàn: "Rõ khổ! Cả nhà chỉ trông sống vào có cây khế, nay ông chim cứ đến tàn phá thế kia thì đến chết đói!" Bỗng từ ngọn cây chim quạ trả lời xuống: "Ăn quả trả vàng, may túi ba gang mà đựng".

Người vợ sợ hãi, biết là chim thần không dám ta thán gì nữa, chạy về thuật lại cho chồng nghe. Hai người bàn định thử may mỗi người một túi ba gang xem sao. Nhưng ngày nào chim quạ cũng chỉ đến ăn no rồi trước khi bay đi lại hót vót xuống một câu như trước: "Ăn quả trả vàng, may túi ba gang mà đựng"!

Rồi một buổi sớm, khi đã ăn hết nhẵn mọi quả khế, chim quạ sà xuống trước sân kêu to như giục: "Ăn quả trả vàng, may túi ba gang mà đựng". Hót thế rồi chim quạ bảo anh chồng ngồi lên lưng và đem theo hai cái túi ba gang. Chim cất cánh bay muôn ngàn dặm, đến một hòn đảo mọc giữa biển, hạ cánh rồi bảo anh chồng muốn lấy gì cứ việc lấy đầy hai túi. Anh ta vội mở choàng mắt thì thấy chung quanh mình toàn châu ngọc, vàng bạc nhiều như cát, sỏi. Trông thấy đủ hoa mắt, nhưng anh vốn chất phác, chỉ vội vã nhặt một ít độn đầy hai túi con rồi lại lên lưng chim cho chim bay về.

Từ đấy hai vợ chồng anh ta trở nên giàu có, xây nhà tậu ruộng. Năm sau nhằm ngày kỵ, vợ chồng người em mời anh chị sang ăn giỗ. Hai anh chị từ xưa vẫn khinh miệt đưa em nghèo không thèm đi lại, nay thấy mời bĩu môi đáp: "Chùng nào chú có chiếu trải đàng, vàng phết ngõ

tao mới đến chơi". Người em sai thợ mua chiếu cạp điều trải khắp các lối đi, lại mua vàng phết lên tất cả các cổng ngõ. Vợ chồng người anh thấy thế kinh ngạc vô cùng, vội vàng sang thăm, mới biết là em nay đã giàu gấp ngàn vạn lần mình. Hỏi duyên cớ thì người em cứ chân thật nói hết sự tình. Tham lam, người anh đòi đổi cả cơ nghiệp mình lấy túp lều tranh và cây khế ngọt. Người em ưng thuận. Vợ chồng người anh đến ở túp lều. Chim quạ đến ăn khế, anh ta phàn nàn, chim quạ cũng dặn: "Ăn quả trả vàng, may túi ba gang mà đựng".

Chị vợ liền may hai cái bao thật lớn. Hôm sau chim quạ cũng chở anh chồng đến hòn đảo vàng hôm nọ. Anh ta mừng rỡ tin chắc chuyến này ắt giàu gấp mấy chú em, ra sức dọn vàng đầy hai cái bao lớn rồi, còn nhét cả vào trong áo, ống quần, lỗ mũi, mang tai. Ra đến giữa biển, nặng quá không bay nổi, chim quạ rũ cánh làm anh ta sa xuống biển mà chết.

Lãnh Tạo

Ngày xưa, tại làng Tuần Lễ, huyện Hương Sơn ở Nghệ An, có một người tên là Lãnh Tạo, học hành tài giỏi, nghề văn chương vô đều hay, tính tình phóng túng khác thường. Lãnh Tạo khinh thường vua quan, một lần bị bắt cầm tù về tội phạm thượng, anh ta bẻ xiềng leo thành vượt ngục. Sau đó Lãnh Tạo tụ tập nhiều người, lập thành cơ ngũ riêng, lấy Trương Mây làm căn cứ để tung hoành ngang dọc.

Thuở ấy vào thời vua Minh Mạng, triều đình sai Thượng công Lê Văn Duyệt ra làm Tổng Trấn Nghệ An dẹp quân Lãnh Tạo. Lê Văn Duyệt không bắt nổi Lãnh Tạo mới ra yết thị cho ai bắt được Lãnh Tạo là người có vết ta đồ ở tai thì được thưởng một trăm lạng vàng và phong tước quan.

Nghe vậy Lãnh Tạo mới sửa soạn quân gia giả làm Thanh Tra triều đình đi dò xét các tỉnh, kéo cờ đồ đề chữ "Phụng mạng khâm sai" đi thẳng vào tỉnh đường Nghệ An, có binh sĩ bồng súng vác gươm theo hầu.

Lê Văn Duyệt được tin đội hầu vào báo vội vã ra tiếp kiến. Lãnh Tạo nắm tay Lê Văn Duyệt hỏi: "Quan Thượng có biết Lãnh Tạo là ai không? Lãnh Tạo chính là tôi đây, có vết đồ ở tai đây. Vậy tôi có tội gì mà yết thị bắt tôi? Nay tôi về đây cho mà biết mặt, ông tính làm sao thì tính đi"? Lê Văn Duyệt bèn dụ, nói: "Ta đến xứ này ai ai cũng đều chịu phục, chỉ một mình ngươi là không, nên ta mới sai bắt. Nhưng thôi bây giờ nhà ngươi đã ra mặt thì ta ban cho một trăm lạng vàng, ba trăm lạng bạc, đừng có chống lại triều đình nữa, kết nghĩa anh em với ta, rồi ta tâu với vua tha tội cho, và phong cho làm quan nữa". Lãnh Tạo đáp: "Vàng bạc thì nhận, còn làm quan thì xin cảm ơn thôi. Ông phái một trăm lính đưa tôi về rừng".

Lê Văn Duyệt sợ bị giết đành phải cho lính đi. Nghĩ tức giận mắc mưu Lãnh Tạo, cho là lỗi tại quân canh ơ hờ, Lê Văn Duyệt bắt đội hầu quân canh đem chém hết, rồi phái người đi tìm bắt vợ và mẹ Lãnh Tạo.

Bắt được rồi, Lê Văn Duyệt sai làm cái lầu cao ba trăm thước, để mẹ và vợ Lãnh Tạo ở trên đó, có ý cho Lãnh Tạo trông thấy, rồi gửi thư cho Lãnh Tạo dụ về hàng, không thì mẹ và vợ sẽ bị chém. Lãnh Tạo được thư, nghĩ mình không về thì mẹ và vợ phải chết, nên đem quân về đầu.

Đến trước cửa thành, nhìn thấy mẹ và vợ bị bắt làm con tin giữ trên lầu cao, Lãnh Tạo mới làm một bài phú, nói tài mình chọc trời quấy nước, mà chỉ vì thương mẹ nên mới ra đầu. Tổng trấn Lê Văn Duyệt đọc bài phú cho là xác, lại nhớ đến mối hận thua trí Lãnh Tạo trước kia, bèn thừa cơ Lãnh Tạo giải giáp về hàng mà bắt chém đi. Xong rồi làm sớ tâu về triều đình gửi kèm theo

bài phú của Lãn Tạo. Vua Minh Mạng đọc qua bài phú xuống lệnh khiển trách Lê Văn Duyệt đã giết mất người tài giỏi, và phạt Tổng trấn mất nguyên bổng một năm.

Lê Lợi

Ngày xưa, vào thời Minh thuộc, có một người làng Lam Sơn tỉnh Thanh Hóa, tên Lê Lợi, là một thổ hào ở trên đất Mường, lớn lên gặp nước nhà bị đô hộ, bèn nuôi chí lớn khôi phục giang sơn.

Quân nhà Minh nghe tiếng bậc hào kiệt, muốn dụ làm quan, Lê Lợi nói: "Đại trượng phu phải giúp nước lúc gặp nạn, lập nên công lớn, chứ lại chịu đi làm đầy tớ người ngoài ư"? Rồi qui tụ anh hào, mộ quân các nơi quyết giải phóng đất nước khỏi ách thống trị độc ác của Tàu. Đến năm Mậu Tuất (1428) được thanh kiếm thần, Lê Lợi bèn phát cờ khởi nghĩa, xưng hiệu là Bình Định Vương.

Trong cuộc kháng chiến với quân nhà Minh, một lần thua trận ở Côi Huyền, binh sĩ tan rã, Lê Lợi một mình tìm đường chạy trốn bị tướng giặc đem quân đuổi theo, cùng đường phải nhảy xuống ruộng, may gặp một ông lão đang cấy mạ, bèn cõng quân phục dấu xuống bùn rồi giả vờ cầm mạ để cấy. Chốc lát quân giặc đuổi đến, thấy người làm ruộng hỏi thăm có thấy ai chạy qua đây không, ông lão mới trở tay về phía trước mặt nói: "Lão vừa thấy một tướng chạy về phía kia kìa"! Quân giặc tưởng thật kéo cả đi, Lê Lợi nhân thế thoát khỏi.

Lại một nữa, bị quân giặc đuổi gấp quá, phải núp mình ở cánh đồng giáp Mường, giặc sủa chó săn sục kiếm, bao vây nhằm chỗ bụi cây Lê Lợi nấp. Quân giặc cầm giáo đâm vào trứng đùi, phải lấy áo lau sạch vết máu, bỗng có một con cáo nhảy ra, đàn chó đuổi theo, nhân đó mà Lê Lợi lại thoát được. Cánh đồng Lê Lợi nấp về sau dân chúng gọi tên là cánh đồng Chó, ở tả ngạn sông Chu gần Bái Thượng ngày nay.

Một lần khác bị vây ở núi Chí Linh, nhờ Lê Lai liều mình khoác áo ngự bào, cõng ngựa ra trận để cho quân giặc tưởng là Bình Định Vương xúm lại bắt, Lê Lợi mới thoát khỏi.

Gian truân khốn khổ suốt mười năm trời, Lê Lợi không hề ngã lòng, lại được các tướng tài giúp đỡ và dân chúng khắp nơi một lòng hưởng ứng, nên dần dần chiếm lại xứ sở, đánh đuổi quân giặc ra khỏi bờ cõi, mà lên ngôi vua.

Khi đã thành công rồi, một hôm Lê Thái Tổ ngự thuyền rồng chơi trên hồ Tả Vọng bỗng thấy một con rùa nổi lên mặt nước, ngài cầm cây thần kiếm chỉ xuống, rùa đớp lấy rồi lặn mất. Do đó mà hồ này đổi tên là Hồ Hoàn Kiếm.

Về tích thả gươm này, một thuyết khác kể lại rằng vua Lê Thái Tổ thắng trận, dời về kinh đô Thăng Long, trong lúc làm lễ tạ Thủy Thần đã dâng kiếm cho ngài đuổi giặc, thanh kiếm bỗng tuốt ra khỏi vỏ bay lên trên không sáng lòa hóa thành một con rồng xanh bay lượn rồi đâm thẳng xuống hồ nhập vào lặn một con rùa nổi lên mặt nước. Trong chốc lát con rùa sáng xanh lên như ngọc biếc rồi lặn mất, cùng một lúc hoa sen trên hồ nở ngát hương thơm. Vua Lê bèn đặt cho tên hồ là Hoàn Kiếm (hồ trả gươm) ngày nay còn ở giữa lòng Hà Nội.

Lê Như Hồ

Ngày xưa, vào thời Lê mạt, có Lê Như Hồ làng Tiên Châu, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, người cao lớn đầy đà, nhà nghèo mà hiếu học, ăn thì cực khỏe, mỗi bữa ăn hết một nồi bẩy cơm mà chưa nọ Học được nửa năm, vì nhà nghèo một nồi năm cơm, thì Như Hồ thường lợ lửng nhác hoạc. Cha vợ mới hỏi cha để Như Hồ: "Trước tôi nghe thấy nói con ông chăm học lắm, sao từ khi hấn đến ở nhà tôi thì lười biếng không chịu học là cứ làm sao"? ông này nói: "Từ khi cháu ở nhà ông, ông cho ăn uống thế nào"?

- Mỗi bữa nồi năm cơm rồi đấy!

- Nhà tôi nghèo như thế, mỗi bữa còn phải cho nó ăn nồi bẩy cơm. Ông cho nó ăn ít làm vậy, trách nào mà nó chẳng biếng học!

ông cha vợ nghe lời, mới cho ăn hơn khi trước, từ bấy giờ Như Hồ học thêm được vài tiếng lại thôi. Bà mẹ vợ bảo với chồng: "ông khéo kén được rế quý hóa quá nhỉ! Chỉ được bộ ăn khỏe thì không ai bằng. Dù có gượng mà học thì cũng chẳng làm trò gì được tưởng hay ăn ấy". Cha vợ biết đều bảo: "Nó ăn hơn người, sức nó tất cũng hơn người, can gì mà lo"? Bà mẹ vợ nói: "Có phải sức nó hơn người, tôi có vài mẫu ruộng bỏ cỏ kia kia, ông thử bảo nó dọn cỏ đi, xem nó có làm được không"?

Như Hồ nghe nói như vậy, sáng sớm mai lập tức vác dao phát bờ ra ruộng. Đến chỗ gốc cây đa to, thấy chỗ ấy mát mẻ, mới nằm xuống ngủ. Mẹ vợ thấy rế vác dao ra đồng, đi chợ mua thức ăn về làm cơm cho con rế ăn. Khi về qua ruộng, thấy rế nằm khi ở dưới gốc cây, bà điên tiết, chạy tắt tưới về bảo chồng: "ông còn bảo thôi cơm nhiều cho nó ăn nữa thôi? Nó nói ra đồng dọn cỏ, thế mà từ sáng đến giờ, vẫn còn nằm ngáy khò khò ở dưới gốc cây, ông ra mà xem".

Hai ông bà mới cùng ra đồng. Không dè từ lúc bà mẹ vợ đi về, thì Như Hồ đứng dậy lập tức phát cỏ. Chỉ một lúc dọn sạch quang cả mấy mẫu ruộng. Cá dưới ruộng chạy không kịp, chết nổi lều bều trên mặt nước. Cha mẹ vợ đến nơi, thấy ruộng đã sạch rồi, bấy giờ mới biết tài sức của Như Hồ.

Khi lúa chín, mẹ vợ thổi cơm sẵn nồi hai mươi, sai Như Hồ đi gọi thợ gặt. Như Hồ đi một lát trở về nói rằng: "Tôi đã gọi nhưng không ai chịu làm, vậy để tôi ăn xong sẽ giúp mẹ". Nói rồi dọn cơm ra ăn, một mình đánh hết nồi hai mươi cơm. Mẹ vợ lấy làm quái lạ bảo: "Cối xay nào mà chứa được thế, có vỡ bụng ra mất không"? Như Hồ nói: "Mẹ đừng ngại, việc gặt hôm nay con xin làm lấy một mình". Rồi lấy một cây tre to làm đòn càn và đem liềm hái, thừng chạc ra đồng. Vừa được nửa buổi thì gặt xong hai mẫu ruộng, bó làm bốn quây về. Mẹ vợ từ đấy mới có bụng yêu, mỗi bữa cho ăn thật no nê để mà học.

Làng bên cạnh có hội đánh vật, năm nào Như Hồ cũng đến phá giải. Các đô vật ai cũng chịu, không ái dăm ganh sức với Như Hồ, vì thế đặt tên chàng là Như Hồ.

Đến năm gần 30 tuổi, Như Hồ văn chương lừng lẫy rồi thi đỗ tiến sĩ trong thời Quang Hòa nhà Mạc. Bấy giờ có người cùng đỗ với Như Hồ tên là Nguyễn Thanh, ở huyện Hoàng Hóa tỉnh Thanh, nhân khi nói chuyện đến gia tư mình, Như Hồ nói bốn rằng: "Gia tư nhà bác thì đủ cho tôi ăn một tháng là cùng". Nguyễn Thanh nói: "ông khinh tôi quá làm gì thế, tôi tuy chẳng có gì nhưng cũng đủ cung phụng ông được ba tháng".

- Thôi đừng nói ba tháng, ông thử cho tôi ăn một bữa ra sao.

Nguyễn Thanh hẹn ngày mời Như Hồ vào chơi. Đến hôm hẹn, Như Hồ vào nhà Nguyễn Thanh, không ngờ hôm ấy lại đi vắng. Như Hồ bảo với vợ Nguyễn Thanh rằng:

- Tôi là bạn với quan Nghè đây, nhân có việc quan qua đây, có hơn ba mươi gia nhân, nhờ phu nhân một bữa cơm.

Người vợ sai người nhà làm thịt một con lợn, dọn sáu mâm cơm đem ra. Như Hồ bảo người đầy tớ rằng: "Mày ra gọi chúng nó vào đây". Mãi không thấy một người nào, chỉ có một mình Như Hồ ngồi đánh hết cả sáu mâm cơm. Ăn xong gởi lời cảm tạ rồi đi. Chiều tối Nguyễn Thanh về, vợ kể lại.

- Hôm nay có một người nói là quen với ông, nhân việc quan đem nhiều đầy tớ qua, nhờ một bữa cơm, tôi tưởng là thật, làm sáu mâm cỗ té ra chỉ một mình người ấy ngồi ăn, tôi ở trong buồng trông ra, cứ mỗi lần một bát là một miếng, ăn như hùm đơm đó, chỉ một lát hết ba nồi cơm và sáu mâm cỗ, không biết là người hay là quỷ đói.

Nguyễn Thanh phàn nàn rằng:

- Đây là người anh em với tôi, trước có hẹn đến chơi, nhớ ra quên mất, chắc là ông ta lại trách tôi sai hẹn.

Bữa khác Nguyễn Thanh nhân việc đi qua làng Tiên Châu, vào chơi nhà Như Hồ. Như Hồ sai người nhà làm thịt hai con lợn béo và thổi bốn mâm xôi dọn ra hai bàn, mỗi bàn một con lợn, hai mâm xôi. Một bàn thết Nguyễn Thanh, còn một mình ngồi riêng một bàn. Nguyễn Thanh ăn hết một góc mâm và một phần tư con lợn. Như Hồ ăn hết sạch cả bàn mình, lại ăn thêm sang một góc xôi thịt ở bàn mời bạn, chỉ còn một nửa để cho người nhà.

Nguyễn Thanh thất kinh nói rằng:

- Ngày xưa ông Mộ Trạch đã có tiếng là ăn khỏe, mà chỉ hết 18 bát cơm và 12 bát canh là cùng. Nếu ông ấy sinh ra đồng thời với ông thì cũng phải kém ông ba bậc.

Về sau Như Hồ làm đến thượng thư, được phong làm Thiếu bảo Lữ quận công, rồi về trí sĩ, thọ đến 72 tuổi.

Lý Ông Trọng

Ngày xưa, cuối đời Hùng Vương, ở huyện Từ Liêm, quận Giao Chỉ, có một người họ Lý, tên Thân, thân hình to lớn, cao hai trượng ba thước, sức mạnh vô cùng. Thân lỡ tay làm chết người, bị tội tử hình, song vua Hùng Vương tiếc người kỳ dị, dững mãnh nên không nỡ giết. Đến đời Thục An Dương Vương, Tần Thủy Hoàng muốn xua quân sang chiếm Việt Nam, vua Thục bèn đem Lý Thân ra cống hiến. Tần Thủy Hoàng được Lý Thân lấy làm quý lắm, phong cho làm Tư lệnh Hiệu úy mang quân ra đóng giữ ở bờ cõi Lâm Thao. Trông thấy hình thù khổng lồ của Lý Thân, quân sĩ nước Hung Nô khiếp sợ không dám quấy nhiễu. Tần Thủy Hoàng lại phong cho Lý Thân làm Vạn Tín Hầu và cho phép được trở về Nam thăm xứ sở.

Mấy năm sau, quân Hung Nô lại quấy rối ở biên thù, Tần Thủy Hoàng nhớ đến Lý Thân, sai sứ sang vời. Lý Thân không chịu đi làm tôi cho nước ngoài bèn trốn vào rừng. An Dương Vương phải nói dối là Lý Thân chết rồi. Tần Thủy Hoàng đòi lấy xác của Lý Thân. Bất đắc dĩ, Lý Thân phải tự tử, An Dương Vương sai lấy thủy ngân ướp xác Lý Thân rồi mang nộp cho Tần Thủy Hoàng. Thấy Lý Thân đã chết, Tần Thủy Hoàng cho đúc đồng làm tượng đen đem dựng ở cửa thành Tư Mã đất Hàm Dương, gọi là tượng Lý ông Trọng. Tượng cao lớn hai trượng, thân hình khổng lồ, bụng rất to, trong bụng làm rỗng có thể chứa được nhiều người, hai tay và đầu, cổ có máy cử động, mỗi khi có người nước ngoài đến viếng, thì đã có người ở trong bụng tượng kéo máy cho tượng cử động. Nước Hung Nô làm tượng Lý Thân còn sống nên sợ Oai mà không dám phạm vào cửa ải.

Đến đời Đường, Triệu Xương sang đô hộ đất Giao Châu, nghe tiếng lập đền thờ Lý Thân. Tới khi Cao Biền qua Việt Nam đánh quân Nam Chiếu, cho trùng tu lại ngôi đền và tạc tượng để thờ gọi là đền Lý hiệu úy, ở làng Thị Hiện, huyện Từ Liêm, ngay bên sông Cái, cách phía tây thành Đại La (Hà Nội ngày nay) trên năm mươi dặm.

Lê Phụng Hiểu

Ngày xưa, ở làng Bằng Sơn, huyện Hồng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, có người to lớn vạm vỡ, râu ria rậm rạp, khỏe mạnh phi thường, tên là Lê Phụng Hiểu. Khi hai mươi tuổi, có hai thôn Cổ Bi và Đàm Xá tranh nhau ruộng đất đem dân làng ra đánh nhau, Phụng Hiểu vung cánh tay lên bảo với người làng Cổ Bi rằng: "Chỉ một mình tôi có thể đánh được muôn người".

Dân làng mừng lắm, làm rượu để mời Phụng Hiểu ăn uống. Phụng Hiểu uống hết một vò lớn, ăn sạch một nồi ba mươi cơm mới no, bấy giờ mới ra khiêu chiến với người làng Đàm Xá. Khi hai xã giáp chiến, Phụng Hiểu vươn mình lên nhổ một cây to bên vệ đường cầm ngang trong tay, xông vào đánh nhau với dân Đàm Xá. Dân làng này phải bỏ chạy, không ai dám địch, chạy không kịp thì bị thương, đành phải nhường trả ruộng cho làng Cổ Bi.

Bấy giờ vua Thái Tổ nhà Lý đang kén người có sức mạnh để sung vào quân túc vệ, nghe tiếng Phụng Hiểu liền cho vời đến phong ngay chức Võ Vệ tướng quân.

Đến khi vua Thái Tổ mất, Thái Tôn nối ngôi, có ba vị vương là Dục Thánh Vương, Võ Đức Vương và Đông Chính Vương mưu làm phản, đem binh vào Đại Nội để cướp ngôi vua.

Phụng Hiểu vâng mệnh vua Thái Tôn đem quân túc vệ ra cửa vung kiếm giết ngay Võ Đức Vương. Quân tam vương thấy vậy, rùng rùng bỏ chạy tìm đường thoát thân, quân túc vệ thừa thế đánh tràn ra, giết quân ba phủ không còn một mống nào, chỉ có hai vị vương kia chạy được thoát. Bình xong cuộc biến, lúc trở vào triều, vua Thái Tôn vỗ vai Phụng Hiểu khen ngợi: "Trẫm xem sử nhà Đường, thấy Uất Trì Kinh Đức cứu nạn cho vua Đường Thái Tôn, tưởng là các bày tôi về sau không còn ai trung dũng được như thế nữa, nay không ngờ có khanh".

Rồi phong cho làm Đô Thống tướng quân. Được ít lâu, Phụng Hiểu theo vua Thái Tôn vào đánh Chiêm Thành, làm tiên phong phá tan quân giặc, bắt được vua Chiêm là Chế Vũ. Thành công trở về, vua định thưởng nhiều vàng bạc và phong tước hầu cho Phụng Hiểu, nhưng Phụng Hiểu đều từ chối, xin cho đứng ở trên núi Bằng Sơn ném một lưỡi dao ra ngoài, hễ rớt xuống chỗ nào, thì xin đất đến đấy để lập nghiệp.

Vua bằng lòng cho, Phụng Hiểu đứng ở trên đỉnh núi, ném vút thanh đao ra ngoài mười dặm, sa xuống cắm vào làng Đa Mỹ, quy vương tính ra được hơn nghìn mẫu. Tự đấy ruộng thường cho công thần gọi là ruộng thác đao (nghĩa là cắm đao) là do sự tích ấy.

Phụng Hiểu cho con cháu đến ở, lập thành một làng, sống đến 73 tuổi mới mất. Dân lập đền thờ ông làm Phúc thần, gọi là Lịch Đại Đế Vương miếu.

Lý Thái Tổ

Ngày xưa, có một tiểu nữ ở chùa Tiên Sơn nằm chiêm bao thấy mình giao cảm với Thần núi Tiên Sơn, rồi mang thai, bị đuổi ra khỏi chùa. Thiếu phụ lang thang đó đây, không có nhà nào chứa chấp, một hôm ghé vào ngôi chùa gần rừng Báng mà xin ở nhờ.

Sư cụ chùa này đêm trước nằm mơ thấy Long Thần báo mộng rằng: "Ngày mai dọn chùa cho sạch, có Hoàng Đế đến". Sáng ngày tỉnh dậy, nhà sư sai tiểu quét dọn sạch sẽ, đợi từ sáng đến chiều không có ai, gần tối thấy có một người đàn bà có mang đến xin ngủ nhờ. Nhà sư hỏi chồng con quê quán, thiếu phụ kể lại việc mình nằm mộng thấy thần rồi thụ thai và bị đuổi khỏi chùa, hiện bơ vơ không có nhà cửa. Sư cụ nửa tin nửa ngờ cho thiếu phụ ở ngoài tam Quan.

Được vài tháng, một đêm cả chùa bỗng nhiên thơm sực mùi hương, sư cụ thức dậy trông ra cửa tam quan thì thấy sáng rực lên. Sư cụ sai bà hộ ở chùa ra xem thì thấy người đàn bà sinh ra một đứa con trai. Bà hộ bế đứa bé vào chùa cho sư cụ xem, đọc thấy ở hai bàn tay có bốn chữ son "Sơn hà xã tắc". Ngoài trời bỗng nhiên nổi mưa to gió lớn, bà hộ chùa trở ra thì thiếu phụ đã chết rồi. Sư cụ bảo đem chôn ở đằng sau vườn rồi đưa đứa bé về nuôi.

Khi đứa bé lên tám tuổi, được sư cụ chùa Cổ Pháp là Lý Khánh Vân nhận làm con nuôi, đặt tên là Công Uẩn rồi lấy họ Lý cho theo với sư Vạn Hạnh ở chùa Tiên Sơn. Mỗi lần học không thuộc bài, bị thầy sai trói lại bắt nằm dưới đất. Một đêm bị phạt Uẩn cất tiếng ngâm:

Canh khuya không dám giang chân duỗi

Vì ngại non sông xã tắc xiêu.

Vạn Hạnh thấy cậu học trò bé có khẩu khí thiên tử, đem lòng kính mến. Uẩn lớn lên, tính tình khẳng khái, có chí khí lớn, làm quan thời vua Tiên Lê, rồi được vua Ngọa Triều nhắc lên làm Tứ Tượng quân chế chỉ huy sứ, cầm đầu các quân túc vệ.

Bấy giờ ở làng Cổ Pháp có cây cổ thụ bị sét đánh tước lằn vỏ ngoài, trong thân cây có mấy câu thơ Sư Vạn Hạnh mới cho là sấm báo điềm nhà Lê đổ và nhà Lý lên thay, bảo Lý Công Uẩn rằng: "Xem câu sấm ấy thì chắc nhà Lý lên làm vua Thiên hạ cũng nhiều họ Lý nhưng xem ra không ai bằng ngài, có lòng nhân từ độ lượng, lại được dân tin mến nhiều".

Lý Công Uẩn nghe nói, sợ lộ chuyện ra ngoài, phải giấu sư Vạn Hạnh ở chùa Tiên Sơn. Đến khi vua Ngọa Triều mất, vua kế vị còn nhỏ, Lý Công Uẩn cầm quân túc vệ trong cung cấm, quan chi hạm Đào Cam Mộc bèn mưu với các quan triều, lập Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng Đế.

Lên trị vì, thấy kinh đô Hoa Lư hẹp hòi, Lý Thái Tổ mới rời đô lên đóng ở thành Đại La rồi nhân có điềm rồng hiện ra, mới đổi tên là Thăng Long.

Lý Công Uẩn được 18 năm, bắt đầu một giai đoạn vẻ vang cho lịch sử nước nhà.

Một thuyết khác truyền lại rằng thân sinh ra Lý Công Uẩn là người nghèo khó, đi làm ruộng thuê ở chùa Tiên Sơn, phải lòng một tiểu nữ có mang, bị nhà sư đuổi đi, đến chỗ rừng Báng, mỗi một ngôi lại nghỉ. Chồng khát nước, xuống chỗ giếng giữa rừng uống nước, sảy chân chết đuối. Vợ ngồi chờ lâu không thấy, đến xem thì mới đã đùn đất lấp giếng, ngồi khóc lóc một hồi, rồi vào xin ngủ nhờ ở chùa Ứng Tâm gần đấy, sau sinh ra Công Uẩn. Về sau Công Uẩn lên làm vua, đến ngôi huyệt chỗ giếng trong rừng Báng, thấy các gò ở chung quanh trông hình như hoa sen nở ra tám cánh, cho nên nhà Lý truyền ngôi được tám đời. Công Uẩn sinh ra ở chùa Ứng Tâm, nên về sau chùa đổi tên gọi là chùa Đặng.

Mắng Thần, Phá Miếu

Ngày xưa, về đời Hồng Đức nhà Lê, ở làng Trung An huyện Vĩnh Lại (Hải Dương) có nhà nho sĩ Văn Định kết duyên cùng con quan thượng Nhữ Văn Lan.

Tiểu thư họ Nhữ nhan sắc tuyệt vời, thông minh xuất chúng, giỏi văn chương, tinh tướng số, kén chồng đến ngoài hai mươi tuổi, thấy Văn Định có tướng sinh quý tử mới nhận lời trao hôn. Hai người lấy nhau sinh được một con trai mặt mũi tinh anh, đặt tên là Bình Khiêm, chưa đầy tuổi đã biết nói. Được mẹ dạy bảo, mới lên bốn tuổi Bình Khiêm đã thông kinh truyện, học đến đâu thuộc lòng đến đó, nhớ đọc một lúc mấy chục bài thơ nôm.

Khi tóc còn để trái đào, một hôm Bình Khiêm cùng bọn trẻ đi tắm bến Hàn, có kẻ thuật sĩ đi thuyền trông thấy nói rằng: "Cậu bé này có tướng làm vua, tiếc là da thịt dày quá, chỉ làm đến Trạng nguyên, Tể tướng là cùng"!

Mồ côi sớm, Bình Khiêm được một tay hiệp khách giang hồ tên là Lý Hưng Chi nhận làm con nuôi rồi giao cho một người bạn trụ trì đem về dạy dỗ ở một ngôi chùa.

Lớn lên, Bình Khiêm theo học ông Bảng nhỡn Lương Đắc Bằng ở Thanh Hóa. Lương tiên sinh hồi sang sứ nhà Minh, gặp một người cùng họ ngụ cư bên Tàu là Lương Nhữ Hốt có tặng cho quyển Thái Ất thần kinh, đem về học tập rất tinh lý số, tiên tri Bình Khiêm được thầy truyền lại phép thuật tinh vi, và khi sắp mất cụ Lương trao cho quyển kinh Thái Ất, tác phẩm của đạo sĩ Triệu Nga đời Tống (thế kỷ thứ X).

Bấy giờ trong nước đang biến loạn, Bình Khiêm bèn đi ở ẩn, lấy việc ngao du sơn thủy làm thú ở đời. Ông lên chơi chùa Bội Sơn, gặp lại nhà sư đã dạy dỗ mình thuở bé đang cầm đầu đảng cướp Hồng Nhật. Các tham quan ô lại cũng như các nhà giàu độc ác đều bị đảng cướp này trừ diệt, lấy của để giúp cho người nghèo khó. Quan phủ Vương Liễu Thăng là kẻ sâu dân một nước bị Lý Hưng Chi ra tay hạ sát, triều đình treo giải thưởng lớn cho ai lấy được đầu họ Lý.

Bị tập nã ráo riết, Lý Hưng Chi tìm đường trốn sang Tàu, đem theo Nguyễn Bình Khiêm cùng vài bộ hạ tâm phúc. Vượt núi, băng rừng nhiều ngày, đến giáp giới Trung Quốc, Lý Hưng Chi ghé lại trại một người bạn cũ, giữa một vùng núi non với hai ngàn thỏ hạ.

Chủ trại là Hoàng Mưu mất vợ sớm, có một người con gái đến tuổi lấy chồng, thấy Bình Khiêm là người lỗi lạc, bèn nghĩ ý với Lý Hưng Chi muốn gả chọ Đính hôn sau, Lý Hưng Chi và Bình Khiêm cùng đám tùy tùng nhờ Hoàng Mưu giúp vượt qua biên giới.

Tiến vào nội địa Trung Hoa, giữa đường họ gặp một toán cướp lớn chặn đánh, chỉ có Lý Hưng Chi thoát được, còn Bình Khiêm cùng đám người đi theo đều bị bắt. Tướng cướp là Lý Lăng Tử tra hỏi, thấy Bình Khiêm là người thông thái, giỏi lý số, tiên tri, bèn giữ lại tôn làm quân sư.

Trại ở trên một ngọn núi kỳ vĩ, chung quanh có nhiều dãy núi cao bao bọc như những thành lũy thiên nhiên. Bình Khiêm miễn cưỡng phải ở lại đây, suốt ngày chỉ đọc sách ngâm thơ. Một hôm, có một ông già ăn mặc nâu sồng, đeo khăn gói đồ, tay chống gậy trúc lần mò đến cổng trại. Bị quân canh đuổi đi, ông già trở đi, trở lại đến lần thứ ba, nằn nì đòi xin gặp chủ trại. Bình Khiêm đang đi dạo, trông thấy ông già cốt cách khác thường, gọi hỏi chuyện thì ông ta nói: "Tôi là kẻ ngao du sơn thủy, đi đó đây khảo sát địa lý để tìm một nơi gửi nắm xương tàn, đến chốn này thấy có khí lạ, mới dừng bước lại".

Rồi ông già ngắm Bình Khiêm mà bảo rằng: "Tôi đoán ông không phải là người ở vùng này, mà chỉ là thượng khách của chủ trại. Nhưng chốn này sắp bị quân triều đình đến đánh nay mai"...

Hỏi thêm, ông già không nói, chỉ bảo rằng có biết lý số, thiên văn, và đã mấy năm trời nay đi tìm một quyển sách để thông suốt quá khứ vị lai mà chưa được gặp. Bình Khiêm tò mò hỏi: "Cụ bảo quyển sách gì mà thần diệu như thế"? Ông già đáp: "Đó là một quyển sách thần, có đủ những phép tắc dạy cho biết rõ việc quá khứ, hiện tại và tương lai. Quyển sách này trước ở tay thầy dạy tôi nay đã qua đời, tặng cho một người cùng dòng họ làm sứ thần nước Việt, rồi nghe ông này

trao lại cho một môn đệ. Đó là quyển kinh lấy tên là Thái Ất. Nhưng tôi biết chắc rằng vị sứ thần cũng như môn đệ của ông ta không thể nào dùng được quyển sách ấy, vì trong đó toàn là những câu kinh kỳ bí, mà họ không có lời giải. Tôi thì có lời giải mà không có quyển kinh Thái Ất".

Bình Khiêm hỏi tới: "Sao thầy dạy cụ lại chỉ truyền cho cụ biết lời giải mà không cho cụ quyển sách"? ông già đáp: "Theo lệ cổ truyền thì không ai có thể giữ nổi cuốn kinh này lâu đời được. Sứ thần Việt được cuốn kinh, nhưng không có phần giải. Khi thầy dạy tôi sắp mất, có trao phần giải cho tôi mà không dặn rõ là tôi phải mất công hai năm mới tìm ra cuốn kinh. Tôi tính đến hôm nay vừa đúng là hai năm". Bình Khiêm vội đi lấy ở trong hành lý ra một cuốn sách bọc vải điều trao tận tay ông già. Vừa lật xem qua mấy trang, ông già không giấu được nỗi ngạc nhiên sung sướng, trang trọng đặt cuốn sách lên trước mặt rồi sụp lạy. Cả hai người mặc dầu tuổi tác cao thấp chênh lệch, làm lễ đồng môn với nhau, rồi bắt đầu trao đổi nghiên cứu kinh Thái Ất. Trong vòng bảy hôm, họ đã thuộc lòng cả cuốn kinh cùng những lời giải đáp, rồi vội vã chia tay, sợ xúc phạm đến thiên cơ, vì cả hai đều thành tiên tri, thấu suốt cả quá khứ, hiện tại và tương lai.

ông già tức là Hoàng Thạch Lâm đi về phương bắc, Nguyễn Bình Khiêm đi về phía nam. Trờ về nước, gặp lúc nhà Mạc đang ở ngôi, Nguyễn Bình Khiêm đi thi đỗ Trạng nguyên, được vua phong làm Đông các đại học sĩ. Làm quan tám năm ông dâng sớ xin chém đầu mười tám tên nịnh thần, vua Mạc không nghe, ông bèn cáo bệnh từ quan.

Khi ông về trí sĩ, dựng nhà chơi mát ở làng gọi là am Bạch Vân, lại làm một cái quán ở bên sông Tuyết Giang, dựng bia ký sự mình. Lúc thì bơi thuyền chơi ở bể Kim Hải và bể úc Hải, lúc thì cùng vài nhà sư dạo chơi núi An Tử, núi Ngọc Vân và núi Đồ Sơn. Đi đến đâu đều làm thơ ngâm vịnh, gặp chỗ nào phong cảnh đẹp thì dừng lại, thường ngày không để ý gì đến việc đời, sống nhàn tản theo chủ trương của Lão, Trang.

Triều Mạc vẫn quý trọng, lấy lễ sư phó đãi ông, hề có việc gì thì sai sứ tìm đến hỏi ý kiến hoặc mời về kinh để thương nghị các chính sự trọng yếu. Vua Mạc phong ông làm Thái phó Trình Quốc công. Người đương thời gọi ông là Trạng Trình.

Học trò của Trạng Trình tác thành rất nhiều, nổi danh có Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Dữ, Lương Hữu Khánh, Trương Thời Cử.

Lúc nhà Lê bắt đầu trung hưng, vua Mạc ngự giá đến nhà ông hỏi các kế công thủ, Trạng Trình bảo rằng: "Ngày sau nước có việc, đất Cao Bằng tuy nhỏ, cũng giữ được phúc đến vài đời". Sau bảy năm, nhà Mạc mất, lui về giữ đất Cao Bằng, quả nhiên truyền được ba đời, bảy mươi năm mới tuyệt.

Khi vua Lê Trung Tông mất, không có con kế vị, bấy giờ Trịnh Kiểm đang cầm quyền, sai Phùng Khắc Khoan đến hỏi ý kiến ông, ông không nói gì, chỉ quay lại bảo người nhà rằng: "Năm nay mất mùa, nên tìm giống cũ mà gieo mạ". Phùng Khắc Khoan về nói lại, Trịnh Kiểm hiểu ý ông, tìm Lê Duy Bang là dòng nhà Lê về, lập lên làm vua.

Một lần Trịnh Tùng có ý chiếm ngôi vua, sai sứ đến hỏi ông, ông cũng không nói gì, chỉ đưa đi chơi trong một cái chùa trên núi, bảo tiểu rằng: "Giữ chùa thờ Phật thì mới có oản ăn". Sứ giả về nói lại. Trịnh Tùng biết ý ông khuyên phải giữ đạo làm tôi thì mới được hưởng phúc, nên mới thôi manh tâm bội nghịch.

Vào lúc Trịnh Kiểm có ý hại Nguyễn Hoàng, chúa Nguyễn lấy làm lo, mật sai người đi cầu ông bày cho kế lánh họa. Ông đang chống gậy chơi trong vườn cảnh, có mấy dây đá xếp lại làm non bộ quanh co đến trước sân, có đàn kiến đương bò trên đá, ông đưa mắt nhìn theo đàn kiến mà nói rằng: "Một dải núi Hoành Sơn kia có thể nương thân đến muôn đời". Người sứ về thưa lại, chúa Nguyễn mới quyết tâm xin vào trấn thủ trong xứ Thuận, Quảng (miền Hoành Sơn), quả nhiên mỗi ngày một thịnh, dựng nên cơ nghiệp nhà Nguyễn lâu dài.

Trạng Trình tinh về thuật số, đoán trước được nhiều việc đúng, còn để lại được một số sách ký về sau, người ta truyền là rất ứng nghiệm.

Trước khi mất, ông có viết một tờ chúc thư gửi cho viên tri huyện ở vùng ông đời sau, có câu: "Tôi cứu cho ông khỏi chết vì sà nhà đổ, ông sẽ cứu cho cháu tôi đang nghèo khổ". Ông trao cho cháu bức thư này dặn đến ngày tháng ấy, giờ ấy mang đến đưa cho quan huyện, và nhớ gọi ra khỏi công đường mà trao. Quả nhiên đúng ngày giờ nói trên, viên tri huyện nghe có cháu ông Trạng Trình đến kiểm, bước ra tiếp, vừa đi khỏi thì cột sà ngang lớn bị một đực gậy rơi ngay chỗ ghé ngồi. Thoát chết, ông huyện nọ xem thư hết lòng cảm phục, liền đưa cháu ông Trạng Trình về nhà hết lòng nuôi cho ăn học.

Trạng Trình còn để lại cho đời mấy trăm bài thơ nôm gọi là Bạch Vân Am thi tập, sống đến 95 tuổi mới mất. Những sách ký của ông truyền lại, người đời sau đem các việc xảy ra để đối chiếu, giải thích cho đến gần đây, còn được chứng nhận là đúng.

Nguyễn Xí

Ngày xưa, có người Nguyễn Xí ở làng Sái Xá, huyện Chân Phúc, tỉnh Thanh Hóa. Thân phụ Nguyễn Xí gặp buổi cuối đời nhà Trần, trong nước loạn lạc, không muốn ra làm quan, tu ở chùa làng, gọi là Hòa Nam thiền sự. Mỗi đêm đến gà gáy thì thức dậy đánh chuông tụng kinh.

Có hàng thịt lợn ở cạnh chùa, hễ cứ nghe tiếng chuông thì thức dậy giết lợn. Một hôm, nhà hàng thịt mua nhầm phải con lợn cái chửa, định để sáng mai làm thịt bán. Đêm hôm ấy, nhà sư nằm mơ thấy một người đàn bà đến kêu khóc rằng: "Xin ông đêm nay đừng đánh chuông vội, cứu lấy tám chín mẹ con tôi". Nhà sư ngạc nhiên không biết sự gì, nhưng cũng nghe lời không đánh chuông. Nhà hàng thịt vì thế dậy trưa, thì con lợn cái đã đẻ ra tám con. Nhà sư thấy vậy lấy làm kỳ, mới mua cả đàn lợn ấy thả vào trong núi.

Được vài tháng, nhà sư bị hổ bắt mất, cắn chết bỏ dưới sườn núi. Sáng mai người nhà đi tìm, thấy mối đùn đất lấp lên thành mồ rồi. Có người biết địa lý, xem hình thế chỗ ấy cho là mã hổ táng.

Con nhà sư ấy là Nguyễn Xí bảy giờ đã mười bảy tuổi, vốn có sức khỏe hơn người, học nghề võ đã giỏi, nhưng vì nhà nghèo khó, phải ra tỉnh Thanh Hóa bán dầu kiếm ăn.

Một hôm đi qua huyện Lam Sơn, trời đã tối, chung quanh không có nhà cửa nào, chỉ có một ngọn miếu thờ thần, mới vào nghỉ trong miếu ấy. Canh ba vắng vắng tiếng xe ngựa rầm rầm, và nghe có tiếng ông thần nói rằng: "Hôm nay trên Thiên đình hội các bách thần, định lập thiên tử nước Nam, việc ấy quan hệ to mời ngài đi với tôi nhân thể". Thần núi đáp: "Tôi bận có quý khách dưới trần trợ đây không sao đi được, ông có nghe được điều gì xin về nói cho biết". Cuối canh tư, lại nghe có tiếng nói: "Thiên Đình đã định xong ngôi Hoàng Đế nước Nam rồi, tức là người ở Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, họ Lê tên Lợi. Thượng đế cho đến giờ thân, ngày thân, tháng thân, thì khởi binh, mười năm mới yên thiên hạ". Nguyễn Xí nghe rõ ràng câu ấy, gà gáy thức dậy tìm đến làng Lam Sơn, hỏi vào nhà Lê Lợi, kể rõ lại chuyện đã nghe.

Lê Lợi bảy giờ đã có đông thủ hạ, sắp sửa muốn ra dẹp giặc, nghe nói thế bèn khởi binh ngay tháng bảy năm ấy. Nguyễn Xí theo Lê Lợi đánh nhau với quân nhà Minh, trong mười năm trời lập nên rất nhiều công trạng. Đến khi thiên hạ bình định, Lê Thái Tổ cho Nguyễn Xí là sáng nghiệp đệ nhất công thần, và phong làm Nguyễn Quốc công, cho đổi quốc tính làm họ Lê.

Nguyễn Xí làm quan trải ba triều: Thái Tổ, Thái Tôn, Nhân Tôn, khi có giặc giã thì đi dẹp, khi thường thì lại vào túc vệ trong cung cấm. Khi vua Nhân Tôn bị Nghi Dân (con vua Thái Tôn bị phế không được lập) cướp ngôi, Nguyễn Xí đem binh dẹp loạn, giết được bọn đồ đảng của Nghi Dân rồi đón Bình Xuyên Vương lập lên, tức là vua Lê Thánh Tôn. Nguyễn Xí vì có công ấy lại được làm chức Thái úy Vương Quốc công.

Bấy giờ Nguyễn Xí có mười hai người con, cũng được phong tước làm quan tại triều, quyền thế lớn nhất thời ấy. Vua thấy thanh thế Nguyễn Xí lừng lẫy quá, sai đào con sông Cấm Giang ở Sài Xá để triệt long mạch làng ấy, thần long chảy ra huyết ba ngày.

Phạm Viên Thành Tiên

Ngày xưa, vào đời nhà Lê, ở huyện Đông Thành, có nhà họ Phạm sinh được hai con trai là Phạm Chát và Phạm Viên. Phạm Chát đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn đời vua Thần Tôn nhà Hậu Lê, còn Phạm Viên thì không chịu vui đầu vào sách vở, chỉ thích ngao du. Một hôm Phạm Chát mắng em: "Mày là con nhà nề nếp và là em ông tiến sĩ mà không chăm học hành để đạt còn mong nên người sao được"? Phạm Viên nói: "Ở đời mỗi người có một sở thích, công danh phú quý chẳng qua chỉ là giấc mộng". Rồi ông vận áo tơi, đội nón lá đi vào rừng. Lên núi gặp một ông cụ già chống gậy, vận áo cà sa, trông có vẻ tiên phong đạo cốt, liền sụp lạy mà xin làm đệ tử. Ông lão đưa Phạm Viên đến một gian nhà tranh vắng vẻ, chỉ thấy trên bàn có một quyển sách và một vò nước lã bên cạnh. Ông lão múc cho Phạm Viên một gáo nước lạnh rồi bảo uống, và đưa cho một cái túi mà dặn rằng: "Về nhà rồi mở túi này ra thì thấy có nhiều cái lạ".

Phạm Viên theo hướng mặt trời mọc mà đi, chốc lát đã về đến nhà, hỏi ra tính đã mười hai năm rồi. Năm ấy Phạm Viên ba mươi tuổi, ông tiến sĩ Phạm Chát thường gọi em là thằng điên. Có khi vài ngày Phạm Viên chỉ ăn một chén cháo, thỉnh thoảng ngủ hơn mười hôm mới dậy.

Ông có một bà cô ruột già ngoài bảy mươi tuổi, không có con, nhà rất nghèo, mới cho bà 21 đồng tiền và dặn có mua gì thì chỉ tiêu đến 20 đồng thôi, còn phải giữ lại một đồng, tự nhiên tiêu đủ suốt đời. Bà cô theo lời ông mà làm, hễ buổi sáng tiêu hết 20 đồng thì buổi chiều lại còn đủ, như thế luôn trong bảy năm. Đến khi bà ta mất thì số tiền ấy cũng biến đâu mất.

Một hôm, Phạm Viên lên chơi Ngọc Sơn vào trọ Ở quán, bảo bà lão bán hàng rằng: "Chỗ này sắp có hỏa tai, tôi cho bà một bình rượu hễ gặp cháy thì tưới lên, lửa không lan được nữa".

Được mấy hôm quả nhiên xóm ấy bị cháy, giữa mùa nắng gió nồm mạnh quá lửa bốc lan rất mau, không thể dập nổi. Bà hàng bỗng nhớ đến lời ông khách lạ dặn liền mang bình rượu ra tưới vào đám cháy thì tự nhiên nổi cơn mưa rào rất lâu, đám cháy tắt ngấm, trong nước mưa phẳng phát mùi rượu ba ngày chưa hết.

Lại một hôm Phạm Viên đi qua Hoàng Hóa, gặp một ông lão ăn xin lồi bảy mươi tuổi. Thương tình người già cả khốn khó, Phạm Viên đưa cho ông lão một cái gậy và dặn: "Hễ đi đến nơi nào hoặc chợ nào thì cầm cái gậy xuống bên đường, không cần phải kêu xin gì, tự nhiên sẽ có người đến treo tiền lên đầu gậy cho, đếm đủ một trăm đồng thì thôi, lại đi nơi khác". Ông lão ăn mày làm theo lời Phạm Viên, quả nhiên được ăn tiêu đầy đủ. Được ba năm, ông lão chết thì cái gậy cũng biến đâu mất.

Năm Bính Thân đời Hậu Lê có khoa thi hội, học trò tỉnh Nghệ An đi thi có tới hai ba trăm người. Phạm Viên đang ngồi chơi ở quán làng Hoàng Mai, thấy bọn thí sinh đi qua bảo họ: "Trong ba khoa liền Nghệ An không ai đỗ tiến sĩ đâu, các ông đi thi uổng tiền lộ phí mà thôi". Mọi người đều

cười ông là thằng điên chỉ nói láo. Sau quả nhiên luôn ba khoa Bính Thân, Kỷ Hợi và Tân Sửu, tỉnh Nghệ An không đỗ được người nào cả.

Bấy giờ trong làng có người học trò xin học Phạm Viên, luôn trong hai tháng ông chỉ dạy cho hai chữ "cật cao" là cái gầu mà thôi. Người học trò xin học thêm chữ khác, ông bảo: "Cần gì học nhiều, sau này giàu sang chỉ bởi hai chữ ấy thôi". Người học trò chán nản xin thôi, về sau đi lính vì phạm lỗi nặng, sợ tội, trốn xuống một chiếc thuyền buôn. Chúa Trịnh ra lệnh cho tìm bắt, và tịch biên các đồ vật cùng cả chiếc thuyền. Viên thừa sai làm biên bản các thức duy có cái gầu tát nước thì không biết là chữ gì, hỏi mọi người cũng chẳng ai biết, đến cả quan Tham tụng kiến việc tịch biên cũng không biết nốt. Người lính bị bắt liền nói: "Trước kia tôi đi học, thầy dạy tôi hai chữ "cật cao" là cái gầu". Quan Tham tụng ngạc nhiên cho là người này học thức uyên thâm lấy làm kính phục, tâu với chúa Trịnh tha tội cho và thưởng hàm Lục Phẩm giao cho quản đốc đội quân Vệ thành.

Năm Phạm Viên bốn mươi tuổi, anh ông thăng đến chức Thị Lang đang được chúa Trịnh quý mến, thì ông ở quê dựng bàn thờ và may đồ tang rồi ra kinh thăm anh. Khi ông đến kinh mới được ba ngày thì anh ông mất. Người chị dâu định đưa quan tài xuống thuyền để chờ về quê mai táng, ông không nghe, sai sắm một cỗ xe để đưa đi đường bộ. Đáng lẽ đi đường thủy phải mất bốn ngày mà đi đường bộ mất hai ngày, thế mà buổi sáng sớm ông cho quan tài đi, đến trưa đã về đến quê Mọi người đều lấy làm lạ, mới biết là Phạm Viên có phép tiên.

Chôn cất anh xong, ông xin phép mẹ để đi xa, không ai biết là đi đâu. Sáu năm sau mẹ Ông mất, vừa cất đám xong thì đêm ấy thấy ông trở về, ra mà mẹ Ông ngồi khóc và đặt lên trên mả một cái hộp rồi đi thẳng. Đến sáng ngày người nhà ra mở hộp xem thì thấy đủ cả trâu, gà, dê, lợn, xôi bánh chẳng thiếu thứ gì, lại có ba trăm nén bạc của Phạm Viên cúng mẹ nữa.

Về sau có người gặp Phạm Viên ở cửa biển Thần Phù, nhưng ông chỉ chấp tay vái chào mà không nói năng gì cả. Người ta cho rằng Phạm Viên đã thành tiên.

Phùng Hưng

Ngày xưa, vào thời nội thuộc nhà Đường, ở quận Đường Lâm (thuộc tỉnh Sơn Tây ngày nay) có ông Phùng Hưng vốn dòng dõi quan lang, làm tù trưởng tại châu này.

Phùng Hưng sức khỏe khác thường, đấm chết cạp, đẩy ngã trâu. Em ông là Phùng Hải cũng có sức mạnh mang nổi nghìn cân đi thẳng một hơi hơn mười dặm. Hai anh em lại nổi tiếng hào hiệp nên được dân chúng quanh vùng cảm phục, hào kiệt các nơi theo về, thanh thế mỗi ngày mỗi lớn.

Gặp lúc nhà Đường suy yếu, sự cai trị của quân Tàu ngày càng khe khắt, anh em họ Phùng bèn cùng mưu khởi nghĩa, đem quân tràn chiếm các châu quận. Phùng Hưng đổi tên là Cự Lão, tự xưng là Đô Quận, Phùng Hải đổi tên là Cự Lực, tự xưng là Đô Bảo, cầm quân tiến đánh phủ đô hộ.

Đô hộ phủ bấy giờ do Cao Chính Bình đứng đầu, dàn quân chống trả, bị binh sĩ họ Phùng đánh tan, phải rút vào cố thủ trong thành. Họ Cao lo sợ thành bệch mà chết. Phùng Hưng mới chiếm giữ thành, cầm quyền được bảy năm thì mất.

Bộ hạ muốn lập Phùng Hải lên thay thế, nhưng trong các tướng có người đầu mục là Bồ Phá Lạc, sức khỏe phi thường, nhất định không nghe, lập con Phùng Hưng là Phùng An lên nối

nghiệp, rồi đem quân ra đương đầu với Phùng Hải. Hải chịu thua, Bồ Phá Lạc bắt đày ra ở động Chu Nhan.

Phùng An được nối ngôi, tôn vua cha là Bồ Cái Đại Vương (tục người Việt bây giờ gọi cha là Bồ, gọi mẹ là Cái). Được hai năm, vua Đức Tôn nhà Đường phái Triệu Xương sang nước nam làm Đô Hộ sứ. Triệu Xương sai người đến chiêu dụ, Phùng An chịu tòng phục, cơ nghiệp họ Phùng mới đổ.

Tục truyền khi Phùng Hưng mới mất, thường hiển linh hiện về với nghìn xe, muôn ngựa, ở trên các ngọn cây cùng các mái nhà trông tựa như những đám mây ngũ sắc. Lại có tiếng đàn sáo, bát âm ở trên không cùng tiếng quát tháo, và thắp thoáng trông thấy cả cờ, tàn, võng, lọng. Phạm trong vùng có việc gì mừng hay lo, đều có báo mộng cho các hào trưởng. Dân gian thấy nhiều sự linh ứng mới lập miếu thờ ở mé tây phủ Đô Hộ.

Đến đời Ngô Quyền, có giặc ở phương bắc sang xâm phạm nước Nam, Ngô Quyền nằm mơ thấy một ông cụ tóc bạc phơ, áo mũ chỉnh tề, tự xưng là Phùng Hưng đến bảo rằng: "Tôi xin lĩnh một muôn thần binh phục sẵn ở chỗ hiểm yếu, ông nên tiến binh mà đánh giặc đi, đã có tôi cứu giúp, không phải lo"! Đến lúc Ngô Quyền đánh nhau với Hoàng Tháo ở sông Bạch Đằng, nghe trên không có ngựa xe ầm ầm xông về phía quân địch. Phá được quân Nam Hán, Ngô Quyền trở về sai sửa sang miếu đình thờ Phùng Hưng rồi làm lễ trọng tạ Ông. Các triều đều có phong tặng, gọi Phùng Hưng là Phu Hựu Chương Tín Sùng Nghĩa Đại Vương

Phùng Khắc Khoan

Ngày xưa, về đời nhà Lê, ở làng Phùng Xá, đất Sơn Tây có một thư sinh tên là Phùng Khắc Khoan. Tương truyền rằng Khoan là anh em cùng mẹ khác cha với Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Khoan lớn lên, bà mẹ cho xuống Hải Dương theo học anh là Nguyễn Bình Khiêm, về sau đỗ tiến sĩ, giúp nhà Lê trung hưng, làm được nhiều việc lớn. Đến khi nhà Nguyễn khôi phục được kinh thành Thăng Long, Phùng Khắc Khoan được cử đi sứ triều Minh.

Trong khi đi sứ, vua Tàu phục tài văn thơ của ông trong một lúc làm luôn 36 bài thơ mừng, phong ông làm Lương quốc Trạng Nguyên. Khi trở về qua tỉnh Lạng Sơn, ông gặp Liễu Hạnh công chúa hiện hình chơi trên đỉnh núi, đôi bên cùng đọc thơ xướng họa, rồi bà chúa Liễu biến mất.

Tục truyền rằng Liễu Hạnh công chúa là con gái Ngọc Hoàng, tên Quỳnh Nương, lỡ tay làm rơi vỡ chén ngọc ở Thiên đình, bị đày xuống trần, đầu thai làm người vào đời Hậu Lê, ở nhà Lê Thái Tông, đất Vụ Bản (Nam Định). Họ Lê đặt tên con gái là Giáng Tiên, lớn lên lấy chồng Đào Lang. Sau ba năm chẵn gối, đến ngày mồng ba tháng ba, Giáng Tiên bay về trời, nhưng vì chưa hết hạn ở hạ giới, nên Ngọc Hoàng lại đày xuống thế một lần nữa. Bận này nàng công chúa thượng giới đi cùng với hai tiên nữa là Quế Nương và Thị Nương xuống miền Phố Cát (Thanh Hóa). Nàng thường ngao du hiện ra nhiều nơi, làm nhiều việc hiển linh, được triều đình phong sắc là công chúa Liễu Hạnh, vào hạng tứ bất tử của Việt Nam, sau các Thần Tán Viên, Phù Đổng, Chử Đồng Tử.

Chính trong một cuộc du ngoạn mà công chúa Liễu Hạnh gặp nhân sĩ họ Phùng. Sau cuộc họa thơ cùng tiên nữ tài hoa, Phùng Khắc Khoan đi gặp gỡ chặt ngón ngang trên đường, nhận thấy sắp chữ Liễu Hạnh và chữ Phùng, đoán biết là ý tiên nữ muốn ông đứng ra lập đền thờ bà.

Phùng Khắc Khoan còn gặp Liễu Hạnh hiện ra một lần nữa, trong lúc cùng hai người bạn họ Ngô, họ Lý đi chơi thuyền Hồ Tây, và kể tiên người tục cùng nhau làm thơ xướng họa liên ngâm còn truyền lại đến ngày nay.

Thần Đình Lập

Ngày xưa, cuối thời Bắc thuộc, trong lúc cả nước đang rên siết dưới ách đô hộ ròng rã một ngàn năm, ở miền núi non Bắc Việt, có một vị tù trưởng họ Đặng nổi lên chống lại quan quân Tàu. Được nhiều người yêu nước hưởng ứng nồng nhiệt, họ Đặng phát cờ khởi nghĩa từ châu nhà, rồi giải phóng được các vùng thượng du, làm chủ lại một phần giang sơn đã mất.

Đối phương phải huy động đại đội binh mã đương đầu rồi thừa thế đông tràn chiếm lại vùng giải phóng. Trong một trận chiến đấu ác liệt với quân thù đông đảo gấp bội, anh hùng họ Đặng chống trả oanh liệt cho đến chết. Muốn diệt trừ hậu họa, tướng Tàu cho quân vây bắt để giết cả gia đình họ Đặng, song bà vợ cùng con trai là Đặng Cao trốn thoát được vào rừng sau khi nghe tin chồng và cha tử trận.

Người vợ góa nuôi con với chí phục thù cho chồng, trả nợ cho nước. Đặng Cao lớn lên trong hoài bão chiếm lại giang sơn đã mất vào tay quân giặc, nên vừa đến tuổi trưởng thành đã sửa soạn chiến đấu, ngấm ngấm quy tụ chiến hữu bốn phương, chờ thời cơ nổi dậy.

Một hôm, trong lúc dạo chơi, Đặng Cao gặp một con kỳ lân hiện ra trao cho một chiếc kiềng bằng vàng có phép thần làm cho người mang nó được bất khả xâm phạm và bất tử. Nhưng nếu chủ nhân rời khỏi chiếc kiềng thần, dù chỉ trong chốc lát, thì mất hết quyền phép ngay.

Đặng Cao thấy kỳ lân xuất hiện ra trao báu vật cho mình là điềm của thần linh mách bảo thời cơ thuận tiện để dấy nghiệp, nên hăng hái phát cờ dóng trống ra quân.

Thắng trận liên tiếp, Đặng Cao giải phóng được châu nhà rồi tiến quân quyết tâm đuổi quân Tàu ra khỏi bờ cõi xứ sở. Trong một trận quyết liệt gần biên giới, Đặng Cao gặp một tướng tài của đối phương gửi đến tiếp viện. Đồi bên tranh hùng bất phân thắng bại, chẳng may ngựa vấp ngã, Đặng Cao bị đối thủ thừa cơ vung kiếm chém đứt đầu. Một vị thần bồng hiện ra nhặt lấy đầu Đặng Cao lắp lại vào cổ mà bảo rằng: "Người hãy quay về đi và hỏi ba đường gặp trên đường xem là người đã chết chưa? Nếu tất cả đều trả lời "chưa" thì người sẽ sống lại".

Đặng Cao vội quay lui, chạy thẳng về nhà cho mẹ yên tâm vì có lẽ bà đã được tin báo là con đã tử trận. Trên đường về, người thứ nhất Đặng Cao là một ông lão, liền hỏi: "Thưa cụ, tôi đã chết chưa?" ông lão trả lời: "Thôi cậu đừng chế diễu lão già cả mà tội nghiệp, sao cậu lại hỏi lão ngớ ngẩn như vậy? Khỏe mạnh như thế rồi cậu cũng được trời phật phù hộ cho sống lâu như lão đây". Đi một quãng xa, gặp một người lính, Đặng Cao nhắc lại câu hỏi trên, nghe đáp: "Người đã chết rồi thì không còn hỏi han gì được nữa". Đặng Cao mừng thầm, về đến gần nhà nghe tiếng than khóc thảm thiết. Bà mẹ được tin báo là con mình đã tử trận và chiếc kiềng thần binh sĩ lượm được cũng đưa về trao tận tay bà. Bà đang vật vã thương khóc thì thấy Đặng Cao về hỏi đã chết hay chưa, nên tưởng là con trai hiện hồn về, mới nói: "Con đã chết rồi, người ta vừa trao cho mẹ chiếc kiềng đẫm máu con vẫn đeo ở cổ đây".

Nghe mẹ nói như vậy, Đặng Cao bủn rủn cả người, biết là mình sắp phải chết, mới vội thuật lại việc thần hiện ra cứu, và cho mẹ hay là câu trả lời của mẹ đã giết hại đời con.

Vừa dứt lời, Đặng Cao ngã ra chết. Dân chúng nhớ ơn chôn cất rất trọng thể và lập đền thờ ở làng Đình Lập. Còn bà mẹ chỉ vì một câu nói vô tình mà chết con, bị mọi người ghét bỏ, phải đi ăn xin rồi chết vì đói khát, đau khổ.

Về sau, mỗi năm cứ đến ngày húy của Đặng Cao, dân chúng làm lễ cúng long trọng ở đền Đình Lập để nhớ ơn vị anh hùng dân tộc, đồng thời còn dọn thêm một bát cơm thừa canh cặn cho hồn bà mẹ bất hạnh bị thiên hạ nguyền rủa.

Trần Hưng Đạo

Ngày xưa, về đời nhà Trần, ở đất Nam Định có An Sinh Vương phu nhân, chồng là anh ruột vua Trần Thái Tông, một đêm nằm mơ thấy một vị thiên thần tinh vàng tướng ngọc, tự xưng là Thanh Tiên đồng tử theo lệnh Ngọc Hoàng xuống xin đầu thai. Sau đó bà thụ thai, đến lúc lâm bồn, có hào quang sáng rực cả nhà và mùi hương ngào ngạt, sinh ra một trai khôi ngô, đặt tên là Quốc Tuấn.

Trần Quốc Tuấn thông minh rất sớm, mới lên năm tuổi đã biết làm thơ và thường bày đồ chơi bát trận. Lớn lên, học rộng các sách, tinh thông lục thao tam lược, văn võ toàn tài.

Thuở ấy dân tộc Mông Cổ sau khi làm bá chủ toàn cõi Trung Hoa, tràn chiếm một phần lớn Đông Âu, thù gồm cả lục địa Châu Á như một trận cuồng phong. Ngựa Mông Cổ phi đến đâu thì cỏ nơi ấy không mọc lên được nữa, đại quân nhà Nguyên như bão, như lửa tiến về phía nam, muốn thôn tính trọn cả vùng Đông Nam Á để thực hiện mộng làm bá chủ hoàn cầu của Thành Cát Tư Hãn.

Nước Nam bé nhỏ cũng chẳng khác nào con kiến cạnh con voi khổng lồ phương bắc, song hai lần quân Nguyên tràn đánh nước ta, Trần Quốc Tuấn thống xuất binh sĩ, cùng dân chúng một lòng cương quyết, đánh bật quân thù ra khỏi bờ cõi. Quân Mông Cổ đã từng trăm trận trăm thắng phải rước lấy thảm hại trở về, sợ uy danh của Trần Quốc Tuấn, không dám kêu tên, chỉ gọi là Hưng Đạo Vương, và không còn dám sang quấy nhiễu nữa.

Khi tướng nhà Nguyên là Thoát Hoan kéo quân sang đánh lần thứ hai, có mang theo một tỷ tướng tên là Bá Linh, tức là Phạm Nhan, có tài yêu thuật. Trần Hưng Đạo lập trận cửa cung phá được, bắt sống Phạm Nhan. Quân sĩ dùng gươm chém thế nào Phạm Nhan cũng không chết, Trần Hưng Đạo phải dùng thần kiếm mới giết được.

Tục truyền rằng yêu thuật Phạm Nhan chết đi, thường hiện thành ma quỷ về phá rối đàn bà con gái. Dân chúng gọi là tà Phạm Nhan, nhờ đến uy linh Hưng Đạo Vương mới trừ khử được.

Trần Hưng Đạo về già trí sĩ ở Vạn Kiếp, vua tôn kính phong làm Thái Sư thượng phụ Hưng Đạo Đại Vương, lập miếu sinh từ ở Vạn Kiếp và khắc văn bia để ghi nhớ công đức của ngài.

Hưng Đạo Vương soạn quyển Binh Pháp yếu lược và lập ra cửa đồ cửu cung bát quái thần diệu vô cùng. Ngoài 70 tuổi ngài mới mất, dân chúng ghi nhớ hàng năm đến ngày húy nhật 20 tháng 8, thiện nam tín nữ trải hội Vạn Kiếp đến lễ đền Hưng Đạo rất đông.

Ở các nơi khác trong nước, người ta lập đền thờ Đức Thánh Trần để cậy uy linh ngài trừ ma quỷ và tà Phạm Nhan quấy nhiễu dân chúng.

Trạng Giáp Hải

Ngày xưa, về đời Lê, có người Giáp Hải, quê làng Bát Tràng, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, cha mất sớm, bị bắt làm con nuôi một phú thương ở vùng khác.

Khi ra kinh để học tập, ông đi qua bến đò Bồ Đề thấy người thuyền chài bắt được một con rùa khá lớn, sắp mổ để nấu ăn, bèn hỏi mua rồi mang con rùa đến kinh đô, vào trọ ở nhà Ông Lãnh Binh. Ngày ngày ông vẫn nuôi nấng con rùa cẩn thận.

Ông chỉ có một thầy một trò, mỗi bữa cứ sáng sớm thì khóa cửa lại, cả hai thầy trò cùng đến trường Quốc Tử Giám học tập mãi đến chiều mới về. Cửa vẫn khóa nguyên, mở cửa vào trong nhà thì thấy đã có mâm cơm sắp sẵn tươm tất. Ông không hiểu ra sao, nhưng thầy trò có ăn hàng tháng như thế, bèn lập tâm dò xét. Một hôm ông dậy thật sớm, dặn người học trò cứ đến trường học tập, còn ông thì đi có việc riêng rồi quay về nấp ở sau nhà để rình. Một lúc lâu thấy có người con gái rất đẹp từ trong con rùa hiện ra, tuổi trạc chừng mười bảy, mười tám, quần áo chỉnh tề, vẻ người khuê các, rồi thấy xuống đốt lửa nấu ăn. Thừa lúc cô gái đang mãi ở dưới bếp, ông lên vào nhà trên mang cái vỏ rùa giấu vào trong rương và khóa kín lại, đoạn ôn chạy xuống bếp ôm ngay lấy người đẹp. Cô gái trách: "Cậu không nên làm thế, thiếp vốn là con gái bà Nam Hải Long Vương, nhân đi chơi xa lạc đường chưa về kịp, bị người thuyền chài bắt được, nếu không gặp cậu cứu cho thì cái thân hèn mọn này đã không còn nữa. Vì cảm tấm lòng nghĩa hiệp của cậu cứu thoát sinh mạng thiếp trong lúc hiểm nghèo nên thiếp phải hy sinh để đáp lại cái ơn nghĩa lớn lao đó, mong cậu thương đến thiếp là một kẻ lạc loài mà kết nghĩa trăm năm thì thiếp lấy làm hân hạnh lắm". Từ đó hai người ăn ở với nhau rất đầm ấm, vui vẻ.

Được ít lâu, cô gái bảo với chồng rằng: "Từ khi em lỡ bước lạc đường may sao nhờ cậu cứu thoát, lại được cùng cậu kết làm vợ chồng thật là vinh hạnh cho em lắm. Song còn mẹ và gia quyến em bấy lâu chẳng biết tin tức của em ra sao, em vẫn hằng ngày băn khoăn thương nhớ. Vậy em muốn mời cậu xuống chơi thủy cung để em được gặp mẹ già". Giáp Hải nói: "Anh hiện đang cố học tập để sang năm đi thi, nếu theo em về Thủy cung, thì bỏ dở cả việc học". Cô gái nói: "Xin cậu đừng ngại điều đó. Cạnh nhà em ở dưới Thủy cung cũng có trường học của cụ Trạng Lường, người làng Cao Lương huyện Thiên Bản, rất tiện việc học cho cậu". Giáp Hải nghe nói có ý lấy làm ngần ngại không muốn đi, nhưng cô gái hết sức khuyên nài, vả lại vợ chồng hương lửa đương nồng, nên ông cũng đành nghe theo. Hối đường lối xuống Thủy cung, cô gái nói: "Cậu cứ trả lại xác rùa cho em, rồi đem nó đến chỗ đã mua rùa khi trước, hễ em đi lối nào thì cậu cứ theo em mà đi, tức khắc sẽ đến Thủy cung". Giáp Hải liền mở rương trả lại xác rùa, cô gái nhập vào con rùa. Theo lời đã dặn, ông lại mang rùa đến bến Bồ Đề cho rùa bò xuống sông, bỗng thấy mặt nước rẽ tách ra làm đôi thành đường đi. Ông cứ theo rùa mà đi, đến một nơi thấy có mấy tòa cung điện nguy nga Bỗng thấy cô gái lại hiện ở trong rùa mà ra, đưa ông vào chào thân mẫu và kể lại đầu đuôi về sự gặp gỡ của hai người. Cha đã mất, mẹ là Long Thái Hậu thấy con gái trở về lại có chồng rất lấy làm mừng, bèn nhận ông là rể và mở tiệc làm lễ cưới cho con gái rất trọng thể, rồi cho hai vợ chồng ở riêng một cung điện.

Được mấy hôm ông nhắc đến việc học, vợ sai người đưa ông sang thăm trường của cụ Trạng Lường. Ông thấy học trò rất đông và cụ Trạng đang ngồi trên giảng văn chẳng khác gì trên trần vậy. Đến gần vái chào, cụ trở tay vào mặt ông mà nói: "Anh này trông tinh thần kiện vượng, hẳn là người trần gian. Tại sao lại xuống đây"? ông cứ thật sự trình bày. Cụ mời ông ngồi và kể chuyện: "Thuở bình sinh tôi đỗ Trạng Nguyên về đời vua Lê Thánh Tôn, được ở hàng nhị thập bát tú hội Tao Đàn, cũng không đến nỗi phụ đèn sách. Còn về phần anh sau này cũng được vinh hiển. Có lần tôi lên châu Thượng Đế được dự hội đồng Nam Tào, khi thảo luận về văn chương và đạo đức của người Việt, có nghe nói đến Giáp Hải và đã thấy định cho anh đỗ Trạng Nguyên về khoa thi sang năm".

Được ít lâu Giáp Hải nói với vợ xin phép nhạc mẫu cho về trần gian để đi thị Long Thái Hậu dặn rằng: "Anh là người học thức uyên thâm và đức hạnh, ắt sẽ đỗ cao. Đến khi công thành danh toại tôi sẽ cho người đón anh xuống để cùng đoàn tụ". Rồi bà sai mở tiệc tiễn biệt. Tiệc xong vợ Ông và mấy sứ giả thủy cung đưa ông lên cõi trần.

Khi về tới kinh thành thì kỳ thi sắp tới, nên ông không về mà phải ở lại đây để kịp kỳ thi Khoa Ấy vào năm Mậu Thìn, niên hiệu Đại Chính nhà Mạc, lấy đỗ ba mươi sáu tiến sĩ, Giáp Hải đỗ đầu tức là Trạng Nguyên. Ông vinh quy về làng bái yết tổ tiên và cha mẹ nuôi rồi sang làng Cao Hương để viếng mộ cụ Trạng Lường. Thiên hạ chẳng hiểu nguyên nhân ra sao.

Từ khi ông về làng, thấy người cha nuôi thường làm những sự phi nghĩa, ức hiếp kẻ nghèo khó, ông hết sức khuyên ngăn. Một buổi về chiều, ông ra vườn sau bỗng nghe có tiếng người bên láng giềng nói: "Mồ cha chẳng khóc, khóc đống mối". Nhìn lại thì thấy một ông lão râu tóc bạc phơ đang đứng ở sân, hỏi ra mới biết là viên Huấn Đạo họ Phan đã về trí sĩ nhà ở liền bên cạnh. Đêm ấy ông băn khoăn nghĩ ngợi về câu nói ban chiều, tự nghĩ bấy lâu mình chỉ biết cha mẹ nuôi, còn người sinh thành thì chẳng biết tông tích ở đâu.

Sáng ngày lại, ông khăn áo chỉnh tề sang yết kiến viên Huấn Đạo. Cụ Huấn ra tận cổng mời ông vào nhà cùng nhau đàm đạo. Ông hỏi: "Hôm qua trộm nghe thấy lời vàng ngọc của đại nhân, khiến tôi bối rối nghĩ đến cha mẹ sinh thành, tôi chắc đại nhân có thể dạy bảo cho được". Cụ Huấn nói: "Thấy ngài là bậc đồng đạo, đường đường một vị Trạng Nguyên mà phải làm con nuôi một nhà phú thương bất nghĩa nên tôi thương ngài mà muốn chỉ nẻo đưa đường giúp ngài đó thôi. Ba mươi năm về trước, tôi được nghe rằng nhà phú thương này đi buôn, một hôm thuyền đổ bến Bát Tràng, có một người đàn bà nhà ở gần sông, có một đứa con trai ba tuổi ra chơi bờ sông bị nhà phú thương kia sai người bế đứa bé xuống thuyền chở đi. Nếu người đàn bà ấy còn sống thì chắc bây giờ vào khoảng bảy mươi tuổi rồi, không rõ cậu bé ấy có phải là ngài không? Ngài tự liệu mà tìm manh mối". Ông cảm ơn cụ Huấn ra về, quyết chí đi tìm mẹ đẻ.

Vài hôm sau ông xin phép cha mẹ nuôi để đi chơi và thăm các bạn hiền. Rồi thuê một chiếc thuyền đem theo hành lý, thuận giòng xuôi Nhị Hà xuống thẳng Bát Tràng đỗ lại. Ông lên bến tìm dò hỏi thì thấy một nhà có một bà già trạc ngoài bảy mươi tuổi. Ông vào nhà tò mò hỏi thăm về gia đình bà lão. Bà kể lể: "Nay tôi bảy mươi mốt tuổi, tôi ở đây đã ngoài ba mươi năm trời. Chồng tôi vốn là người làng Bát Tràng này, làm bạn với tôi mới được sáu tháng thì mất. Khi chồng tôi mất thì tôi có thai được ba tháng, sau sinh được đứa con trai. Năm nó lên ba tuổi, một hôm tôi đi chợ vắng, nó ở nhà chơi với trẻ hàng xóm, không may nó ra đi đâu mất. Từ đó đến nay tôi không hề được tin tức gì. Không biết con tôi còn sống hay đã chết, mà ví phỏng nó còn sống thì nó cũng chẳng biết cha mẹ nó là ai và quê quán ở đâu"? Giáp Hải hỏi: "Cụ còn nhớ được hình dạng vết tích của con cụ không"? Bà già đáp: "Tôi còn nhớ con tôi có cái vết đỏ bằng đồng tiền ở sau lưng, và bên tả có nốt ruồi to và đen ở vai. Bây giờ có người thầy tướng xem bàn tay cho nó nói rằng: "Thằng bé này có dị tướng, sau này có lẽ danh giá lớn". Nghe bà lão kể, ông nhận thấy thật đúng là mình, vì trong người cũng có các vết như vậy. Ông bèn cởi áo ngay ra hỏi bà cụ: "Cụ thử coi kỹ mình tôi có vết giống như con cụ không"? Bà lão nhìn xem từ vai đến lưng rồi hai bàn tay Giáp Hải ôm choàng lấy bà khóc òa lên. Hai mẹ con gặp nhau mừng rỡ không cùng. Ông liền rước mẹ về ở chun với cha mẹ nuôi. Được ít lâu bà Thái Hậu Long cung sai sứ lên mời ông xuống nhưng ông vừa được bổ làm quan, mới dặn sứ giả về thưa với nhạc mẫu tha lỗi cho và xin cho vợ Ông lên dương gian để đoàn tụ với ông. Sau ông làm đến Thượng Thư, được phong chức Đế Quốc công.

Người vợ Thủy Cung của ông sinh được một đứa con trai, đặt tên là Giáp Phong, học đỗ tiến sĩ. Con cháu ông về sau đều thịnh đạt.

Trạng Trình

Ngày xưa, về đời Hồng Đức nhà Lê, ở làng Trung An huyện Vĩnh Lại (Hải Dương) có nhà nho sĩ Văn Định kết duyên cùng con quan thượng Nhữ Văn Lan.

Tiểu thư họ Nhữ nhan sắc tuyệt vời, thông minh xuất chúng, giỏi văn chương, tinh tướng số, kén chồng đến ngoài hai mươi tuổi, thấy Văn Định có tướng sinh quý tử mới nhận lời trao hôn. Hai người lấy nhau sinh được một con trai mặt mũi tinh anh, đặt tên là Bình Khiêm, chưa đầy tuổi đã biết nói. Được mẹ dạy bảo, mới lên bốn tuổi Bình Khiêm đã thông kinh truyện, học đến đâu thuộc lòng đến đó, nhớ đọc một lúc mấy chục bài thơ nôm.

Khi tóc còn để trái đào, một hôm Bình Khiêm cùng bọn trẻ đi tắm bên Hàn, có kẻ thuật sĩ đi thuyền trông thấy nói rằng: "Cậu bé này có tướng làm vua, tiếc là da thịt dày quá, chỉ làm đến Trạng nguyên, Tể tướng là cùng!"

Mồ côi sớm, Bình Khiêm được một tay hiệp khách giang hồ tên là Lý Hưng Chi nhận làm con nuôi rồi giao cho một người bạn trụ trì đem về dạy dỗ ở một ngôi chùa.

Lớn lên, Bình Khiêm theo học ông Bảng nhỡn Lương Đắc Bằng ở Thanh Hóa. Lương tiên sinh hỏi sang sứ nhà Minh, gặp một người cùng họ ngụ cư bên Tàu là Lương Nhữ Hốt có tặng cho quyển Thái Ất thần kinh, đem về học tập rất tinh lý số, tiên tri Bình Khiêm được thầy truyền lại phép thuật tinh vi, và khi sắp mất cụ Lương trao cho quyển kinh Thái Ất, tác phẩm của đạo sĩ Triệu Nga đời Tống (thế kỷ thứ X).

Bấy giờ trong nước đang biến loạn, Bình Khiêm bèn đi ở ẩn, lấy việc ngao du sơn thủy làm thú ở đời. Ông lên chơi chùa Bội Sơn, gặp lại nhà sư đã dạy dỗ mình thuở bé đang cầm đầu đảng cướp Hồng Nhật. Các tham quan ô lại cũng như các nhà giàu độc ác đều bị đảng cướp này trừ diệt, lấy của để giúp cho người nghèo khó. Quan phủ Vương Liêu Thăng là kẻ sâu dân một nước bị Lý Hưng Chi ra tay hạ sát, triều đình treo giải thưởng lớn cho ai lấy được đầu họ Lý.

Bị tập nã ráo riết, Lý Hưng Chi tìm đường trốn sang Tàu, đem theo Nguyễn Bình Khiêm cùng vài bộ hạ tâm phúc. Vượt núi, băng rừng nhiều ngày, đến giáp giới Trung Quốc, Lý Hưng Chi ghé lại trại một người bạn cũ, giữa một vùng núi non với hai ngàn thủ hạ.

Chủ trại là Hoàng Mưu mất vợ sớm, có một người con gái đến tuổi lấy chồng, thấy Bình Khiêm là người lỗi lạc, bèn ngỏ ý với Lý Hưng Chi muốn gả chọe Đính hôn sau, Lý Hưng Chi và Bình Khiêm cùng đám tùy tùng nhờ Hoàng Mưu giúp vượt qua biên giới.

Tiến vào nội địa Trung Hoa, giữa đường họ gặp một toán cướp lớn chặn đánh, chỉ có Lý Hưng Chi thoát được, còn Bình Khiêm cùng đám người đi theo đều bị bắt. Tướng cướp là Lý Lăng Tử tra hỏi, thấy Bình Khiêm là người thông thái, giỏi lý số, tiên tri, bèn giữ lại tôn làm quân sư.

Trại ở trên một ngọn núi kỳ vĩ, chung quanh có nhiều dãy núi cao bao bọc như những thành lũy thiên nhiên. Bình Khiêm miễn cưỡng phải ở lại đây, suốt ngày chỉ đọc sách ngâm thơ. Một hôm, có một ông già ăn mặc nâu sồng, đeo khăn gói đỏ, tay chống gậy trúc lần mò đến cổng trại. Bị quân canh đuổi đi, ông già trở đi, trở lại đến lần thứ ba, năn nỉ đòi xin gặp chủ trại. Bình Khiêm đang đi dạo, trông thấy ông già cốt cách khác thường, gọi hỏi chuyện thì ông ta nói: "Tôi là kẻ ngao du sơn thủy, đi đó đây khảo sát địa lý để tìm một nơi gửi nắm xương tàn, đến chôn này thấy có khí lạ, mới dừng bước lại".

Rồi ông già ngắm Bình Khiêm mà bảo rằng: "Tôi đoán ông không phải là người ở vùng này, mà chỉ là thượng khách của chủ trại. Nhưng chốn này sắp bị quân triều đình đến đánh nay mai"...

Hỏi thêm, ông già không nói, chỉ bảo rằng có biết lý số, thiên văn, và đã mấy năm trời nay đi tìm một quyển sách để thông suốt quá khứ vị lai mà chưa được gặp. Bình Khiêm tò mò hỏi: "Cụ bảo quyển sách gì mà thần diệu như thế"? Ông già đáp: "Đó là một quyển sách thần, có đủ những phép tắc dạy cho biết rõ việc quá khứ, hiện tại và tương lai. Quyển sách này trước ở tay thầy dạy tôi nay đã qua đời, tặng cho một người cùng dòng họ làm sứ thần nước Việt, rồi nghe ông này trao lại cho một môn đệ. Đó là quyển kinh lấy tên là Thái Ất. Nhưng tôi biết chắc rằng vị sứ thần cũng như môn đệ của ông ta không thể nào dùng được quyển sách ấy, vì trong đó toàn là những câu kinh kỳ bí, mà họ không có lời giải. Tôi thì có lời giải mà không có quyển kinh Thái Ất".

Bình Khiêm hỏi tới: "Sao thầy dạy cụ lại chỉ truyền cho cụ biết lời giải mà không cho cụ quyển sách"? Ông già đáp: "Theo lệ cổ truyền thì không ai có thể giữ nổi cuốn kinh này lâu đời được. Sứ thần Việt được cuốn kinh, nhưng không có phần giải. Khi thầy dạy tôi sắp mất, có trao phần giải cho tôi mà không dặn rõ là tôi phải mất công hai năm mới tìm ra cuốn kinh. Tôi tính đến hôm nay vừa đúng là hai năm". Bình Khiêm vội đi lấy ở trong hành lý ra một cuốn sách bọc vải điều trao tận tay ông già. Vừa lật xem qua mấy trang, ông già không giấu được nỗi ngạc nhiên sung sướng, trang trọng đặt cuốn sách lên trước mặt rồi sụp lạy. Cả hai người mặc dầu tuổi tác cao thấp chênh lệch, làm lễ đồng môn với nhau, rồi bắt đầu trao đổi nghiên cứu kinh Thái Ất. Trong vòng bảy hôm, họ đã thuộc lòng cả cuốn kinh cùng những lời giải đáp, rồi vội vã chia tay, sợ xúc phạm đến thiên cơ, vì cả hai đều thành tiên tri, thấu suốt cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Ông già tức là Hoàng Thạch Lâm đi về phương bắc, Nguyễn Bình Khiêm đi về phía nam.

Trở về nước, gặp lúc nhà Mạc đang ở ngôi, Nguyễn Bình Khiêm đi thi đỗ Trạng nguyên, được vua phong làm Đông các đại học sĩ. Làm quan tám năm ông dâng sớ xin chém đầu mười tám tên nịnh thần, vua Mạc không nghe, ông bèn cáo bệnh từ quan.

Khi ông về trí sĩ, dựng nhà chơi mát ở làng gọi là am Bạch Vân, lại làm một cái quán ở bên sông Tuyết Giang, dựng bia ký sự mình. Lúc thì bơi thuyền chơi ở bể Kim Hải và bể úc Hải, lúc thì cùng vài nhà sư dạo chơi núi An Tử, núi Ngọc Vân và núi Đồ Sơn. Đi đến đâu đều làm thơ ngâm vịnh, gặp chỗ nào phong cảnh đẹp thì dừng lại, thường ngày không để ý gì đến việc đời, sống nhàn tản theo chủ trương của Lão, Trang.

Triều Mạc vẫn quý trọng, lấy lễ sư phó đãi ông, hễ có việc gì thì sai sứ tìm đến hỏi ý kiến hoặc mời về kinh để thương nghị các chính sự trọng yếu. Vua Mạc phong ông làm Thái phó Trình Quốc công. Người đương thời gọi ông là Trạng Trình.

Học trò của Trạng Trình tác thành rất nhiều, nổi danh có Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Dữ, Lương Hữu Khánh, Trương Thời Cử.

Lúc nhà Lê bắt đầu trung hưng, vua Mạc ngự giá đến nhà ông hỏi các kế công thủ, Trạng Trình bảo rằng: "Ngày sau nước có việc, đất Cao Bằng tuy nhỏ, cũng giữ được phúc đến vài đời". Sau bảy năm, nhà Mạc mất, lui về giữ đất Cao Bằng, quả nhiên truyền được ba đời, bảy mươi năm mới tuyệt.

Khi vua Lê Trung Tông mất, không có con kế vị, bấy giờ Trịnh Kiểm đang cầm quyền, sai Phùng Khắc Khoan đến hỏi ý kiến ông, ông không nói gì, chỉ quay lại bảo người nhà rằng: "Năm nay mất mùa, nên tìm giống cũ mà gieo mạ". Phùng Khắc Khoan về nói lại, Trịnh Kiểm hiểu ý ông, tìm Lê Duy Bang là dòng nhà Lê về, lập lên làm vua.

Một lần Trịnh Tùng có ý chiếm ngôi vua, sai sứ đến hỏi ông, ông cũng không nói gì, chỉ đưa đi chơi trong một cái chùa trên núi, bảo tiểu rằng: "Giữ chùa thờ Phật thì mới có oản ăn". Sứ giả về nói lại. Trịnh Tùng biết ý ông khuyên phải giữ đạo làm tôi thì mới được hưởng phúc, nên mới thôi manh tâm bội nghịch.

Vào lúc Trịnh Kiểm có ý hại Nguyễn Hoàng, chúa Nguyễn lấy làm lo, mật sai người đi cầu ông bày cho kế lánh họa. Ông đang chống gậy chơi trong vườn cảnh, có mấy dây đá xếp lại làm non bộ quanh co đến trước sân, có đàn kiến đương bò trên đá, ông đưa mắt nhìn theo đàn kiến mà

nói rằng: "Một dải núi Hoành Sơn kia có thể nương thân đến muôn đời". Người sứ về thưa lại, chúa Nguyễn mới quyết tâm xin vào trấn thủ trong xứ Thuận, Quảng (miền Hoành Sơn), quả nhiên mỗi ngày một thịnh, dựng nên cơ nghiệp nhà Nguyễn lâu dài.

Trạng Trình tinh về thuật số, đoán trước được nhiều việc đúng, còn để lại được một số sách ký về sau, người ta truyền là rất ứng nghiệm.

Trước khi mất, ông có viết một tờ chúc thư gửi cho viên tri huyện ở vùng ông đời sau, có câu: "Tôi cứu cho ông khỏi chết vì sà nhà đổ, ông sẽ cứu cho cháu tôi đang nghèo khổ". Ông trao cho cháu bức thư này dặn đến ngày tháng ấy, giờ ấy mang đến đưa cho quan huyện, và nhớ gọi ra khỏi công đường mà trao. Quả nhiên đúng ngày giờ nói trên, viên tri huyện nghe có cháu ông Trạng Trình đến kiểm, bước ra tiếp, vừa đi khỏi thì cột sà ngang lớn bị một đực gậy rơi ngay chỗ ghé ngồi. Thoát chết, ông huyện nọ xem thư hết lòng cảm phục, liền đưa cháu ông Trạng Trình về nhà hết lòng nuôi cho ăn học.

Trạng Trình còn để lại cho đời mấy trăm bài thơ nôm gọi là Bạch Vân Am thi tập, sống đến 95 tuổi mới mất. Những sách ký của ông truyền lại, người đời sau đem các việc xảy ra để đối chiếu, giải thích cho đến gần đây, còn được chứng nhận là đúng.

Trâu Vàng Hồ Tây

Ngày xưa vào thời nhà Lý (thế kỷ thứ 13) ở thành Đại La (Hà Nội này nay) có một nhà sư pháp thuật cao cường, tên gọi Không Lộ. Tục truyền rằng nhà sư Không Lộ là một vị thần nhà Trời giáng xuống đất Việt để cứu dân độ thế.

Thuở bấy giờ nước ta đang thiếu thốn đồng và sắt, bao nhiêu vàng bạc châu báu thì người phương bắc đã vơ vét chở về Tàu, sau bao nhiêu thế kỷ đô hộ kéo dài. Một ngày nọ, sư Không Lộ lên đường qua Trung Hoa mang theo một cái túi nhỏ, định dùng phép thuật để lấy lại một ít của cải đã bị cướp về bên ấy. Nhà sư xin yết kiến vua nhà Tống để quyên một ít kim khí đựng đầy túi vải nhỏ đem về đúc tượng Phật. Thấy túi vải nhỏ bé của nhà sư, vua Tống không ngần ngại sai bảo quan coi kho đưa sư Không Lộ vào tận kho cho tùy ý lấy vàng hay đồng, miễn là chỉ đựng đầy túi thôi.

Vừa bước vào cửa kho, sư Không Lộ trông thấy một con trâu to lớn hơn con vật ngoài đời đúc toàn bằng vàng ròng, nghênh ngang như đứng canh giữ kho tàng nhà vua. Ở gian chính giữa cất giữ một số kim khí hiếm có, quý trọng hơn vàng, gọi là đồng đen, "mẹ đẻ ra vàng".

Sư Không Lộ bèn giở phép thần thông mở cái túi nhỏ ra thấu quá phân nửa số đồng đen trong kho vua Tống. Viên quan hốt hoảng trước hành vi thần kỳ của nhà sư, ra lệnh bắt phải trả lại số đồng đen quý giá về chỗ cũ. Không Lộ nhắc cho viên quan Tàu nhớ rằng nhà vua đã cho phép nhà sư được chọn lấy bất cứ thứ kim khí nào, miễn là không đựng quá cái túi nhỏ bé. Viên quan coi kho không biết làm sao liền chạy đi báo tin cho nhà vua hay. Vua Tống nổi giận xuống lệnh chém ngay đầu nhà sư nước Nam nhỏ bé đã dám có thái độ xúc phạm với Thiên Triều. Sư Không Lộ có phép nghe được xa, xuyên qua các vách tường, hay được quyết định của vua Tống, vội vàng thoát ra khỏi kho rồi vượt qua hoàng thành. Số đồng đen mang theo khá nặng, nhà sư không thể đi mau, vừa được mấy dặm trường đã nghe thấy tiếng người ngựa đuổi theo. Sư Không Lộ ra sức phi hành được một quãng thì gặp giòng sông rộng chặn lối, trên sông không thấy bóng thuyền bè. Binh sĩ nhà vua cỡi ngựa phóng tới reo hò đắc thắng, sư Không Lộ bèn tháo nón tu lờ tả xuống nước hóa phép thành ghe, mang túi đồng đen nhảy xuống rồi chỉ trong

chớp mắt đã vượt thẳng qua bến bờ bên kia. Đám quan quân Tàu đuổi theo trông thấy phép thuật phi thường của nhà sư, quay trở về thuật lại, vua Tống đành chịu thôi.

Trở về nước, sư Không Lộ tập hợp những tay thợ rèn trứ danh lại để đúc một cái chuông bằng đồng đen lấy được ở Tàu về. Chuông đúc theo hình hoa sen hé nở và tiếng chuông phải thanh, vang xạ Các tay thợ khéo ra sức đêm ngày nhưng với dụng cụ thô sơ không đúc được chuông theo ý muốn. Sư Không Lộ mới nghĩ ra cách nấu chảy đồng đen đổ vào một cái khuôn hình chuông bằng đất sét, đạt được kết quả mong muốn với phương pháp đúc đồng mới.

Đến ngày làm lễ khánh thành chuông mới bằng đồng đen, sư Không Lộ cầm chày đánh lên tiếng đầu tiên. Tiếng chuông vang xa, rung động đến ngàn vạn dặm.

Con trâu vàng ở kho tàng vua nhà Tống nghe tiếng chuông đồng đen, tưởng chừng như tiếng mẹ gọi, phóng về phương nam. Thấy con trâu vàng chạy đến, nhà sư vội ngừng tiếng chuông, sợ rằng bao nhiêu vàng ở Trung Hoa nghe theo tiếng chuông đồng đeo gọi mà kéo nhau về cả đất Việt, như vậy sẽ gây nên can qua giữa hai nước, Trung Hoa sẽ kiếm cớ mà xâm chiếm Việt Nam, sư Không Lộ bèn lẩn chuông xuống Hồ Tây. Chuông đồng đen rung vang một lần cuối cùng khi xuống nước. Con trâu vàng nghe tiếng cũng nhảy xuống nước biến mất theo chuông chìm sâu dưới đáy hồ.

Sau đó sư Không Lộ trở về trời. Những người thợ rèn dựng lên một ngôi đền thờ cạnh Hồ Tây để nhớ ơn nhà sư đã dạy cho họ lối đúc đồng. Nhà vua ban sắc tặng sư Không Lộ là thần thợ đúc.

Từ Đạo Hạnh

Ngày xưa, ở ngôi chùa Thiên Phúc, trên núi Phật Tích (Sài Sơn), gần tỉnh Sơn Tây, có một nhà sư trứ danh tên Lộ, người đời vẫn gọi là sư Đạo Hạnh. Cha Lộ là Từ Vinh làm quan đô sát ở triều nhà Lý, đến chơi làng An Lăng, lấy vợ người họ Tăng rồi sinh ra Đạo Hạnh.

Khi còn nhỏ, Lộ chỉ thích ngao du, tỏ ra chí lớn, thường đi lại với nhà nho Mao Sinh, đạo sĩ Lê Toàn Nghĩa và nhạc sư Phan Ất. Cha mẹ thấy Lộ suốt ngày chơi bời, đá cầu, lêu lổng cùng bạn bè, nên thường trách mắng luôn, không biết rằng đêm đến, còn lại một mình, Lộ chăm chỉ vùi đầu trong sách vở. Một hôm người cha dòm vào buồng con, thấy đèn le lói, Lộ vùi đầu vào bàn ngủ, tay vẫn còn cầm sách, từ đó mới không lo ngại về con nữa.

Đến kỳ thi tăng đồ thì Lộ trúng cử khoa Bạch Liên. Được ít lâu cha Lộ bị Duyên Thanh Hầu nhờ pháp sư Đại Diệu dùng tà thuật làm hại. Xác quẳng xuống sông Tô Lịch, trôi đến cầu Quyết Kiều, ngay trước nhà hầu rồi đứng thẳng lên không đi nữa. Hầu sợ hãi báo với Đại Diệu đến, đọc chú và bắt quyết thì xác ngã xuống theo giòng nước cuốn đi.

Lộ thề báo thù cho cha, một hôm thấy Đại Diệu liền đuổi đánh, bỗng nghe trên không có tiếng bảo "Đừng", Lộ quăng gậy bỏ chạy.

Lộ tìm đường sang Thiên Trúc (Ấn Độ) để học phép về chống với Đại Diệu, đi đến xứ Mán Răng Vàng bị cản trở phải quay lại. Lộ đến ẩn mình ở núi Phật Tích, ngày đêm chuyên chú tu luyện, đọc đủ mười tám vạn tám lần Đại Bi tâm kinh đã la nị Một hôm có vị thần hiện ra bảo: "Ta là Trần Thiên Vương cảm công đức trì tụng của thầy nên đến đây ra mắt". Lộ mừng rỡ, biết là công tu luyện của mình đã đạt, có thể báo thù được cho cha, bèn đến bến Quyết Kiều, thử lấy chiếc gậy phép đang cầm ở tay mà ném xuống giòng nước đã cuốn xác cha, thì thấy gậy rẽ giòng nước mà đi ngược lên, đến cầu Tây Dương thì dừng lại.

Lộ tin ở phép thuật của mình, tìm đến nhà Đại Diệu hỏi: "Mày có nhớ đến việc ngày trước không"? Rồi ngược mắt trông lên trên không, chẳng thấy gì liền cầm gậy đánh luôn Đại Diệu một cái. Đại Diệu phát bệnh mà chết.

Thù cha đã trả xong, Lộ muốn thoát vòng tục lụy, đi tìm các nơi thanh vắng ở rừng núi mà tu hành, gặp thiền sư Kiều Trí Huyền ở chùa Thái Bình và pháp sư Phạm Hối ở chùa Pháp Vân dạy cho nhiều phép thuật cao cường, các loài ác thú đều hàng phục. Trong đêm tối ông đốt ngón tay để làm đèn, phun nước để chữa mọi bệnh rất linh nghiệm.

Vào hồi bấy giờ vua Nhân Tôn nhà Lý không có con trai. Có người ở Thanh Hóa dâng sớ tâu: "Tại miền duyên hải, có một đứa trẻ linh dị mới lên ba tuổi, xưng là Thần Đồng, cho mình là con vua, người ta gọi là Giác Hoàng". Vua cho người đi dò xét, rồi rước về kinh đô cho ở tại chùa Báo Thiên. Thấy đứa trẻ thông minh xuất chúng, vua rất yêu mến, muốn lập làm Thái Tử. Triều đình can gián: "Đứa trẻ này thông minh linh dị phải để nó thác sinh vào cung cấm mới nối ngôi Hoàng Đế được". Vua nghe theo sai lập đàn bầy ngày bầy đêm, để cầu phép thác sinh hoàng tử.

Sư Lộ đoán biết đứa trẻ kia là Đại Diệu thác sinh, mới bảo cùng người chị: "Thằng bé kia là một tên sát nhân thác sinh muốn lên làm vua, ta phải ra tay ngăn trừ để tránh hậu họa cho nước nhà". Bèn làm một đạo bùa giao cho chị giả làm người đến xem đám lễ rồi thừa cơ giấu lá bùa vào một chỗ trong đàn tế. Đến ngày thứ ba, các đạo sĩ đang cúng tế thì Giác Hoàng bỗng sinh bệnh nặng, rồi tự miệng thốt ra: "Khắp trong khu vực này toàn lưới sắt bao vây cả, tôi còn lối nào mà thác sinh được"?

Vua cho tra xét, biết sư Lộ đã làm phép ếm, bèn sai bắt giam Lộ vào Hưng Khánh, rồi giao cho các quan hội nghị định tội. Lúc ấy có Sùng Hiền Hầu đi qua, Lộ gọi Hầu nói: "Hầu có lòng cứu cho tôi được khỏi tội thì tôi sẽ thác sinh vào cung để trả ơn Hầu". Hầu không có con, nhận lời ngay. Tới khi hội nghị, các quan đều nói: "Bệ hạ chưa có hoàng tử nên cầu cho Giác Hoàng được thác sinh vào cung mà Từ Lộ lại dám làm phép để ngăn trở thì đáng phải tội chết". Sùng Hiền Hầu mới tâu lên vua: "Nếu Giác Hoàng quả là bậc linh dị thì sao Từ Lộ làm phép lại không có phép gì để giải cứu được, có phải là Giác Hoàng còn kém tài Từ Lộ xa không? Thần tộm nghĩ bệ hạ nên tha tội cho Từ Lộ để bắt Lộ phải thác sinh vào cung thì tốt hơn". Vua ngầm nghĩ cho là phải, ra lệnh tha cho Lộ. Lộ tạ Ơn Hầu cứu sống và dặn rằng: "Nếu phu nhân có thai, khi sắp lâm bồn thì Hầu báo cho tôi biết". Mấy tháng sau, Hầu phu nhân có thai, đến khi lâm bồn, quần quai mấy ngày chưa sinh được. Hầu sai người đi báo tin cho Lộ biết. Lộ tắm rửa sạch sẽ rồi vào trong ghềnh núi thoát xác lại mà chết. Lộ vừa mất thì Hầu phu nhân sinh ra con trai, đặt tên là Dương Hoán, năm lên ba thì vua Nhân Tông nhận làm con nuôi, lập làm Thái Tử. Đến khi vua Nhân Tôn mất, Thái Tử lên nối ngôi gọi là Thần Tông, tức là hậu thân của Từ Lộ thác sinh.

Nơi Từ Lộ thoát xác ở ghềnh núi Phật Tích, cạnh chùa Thiên Phúc, người ta lập đền thờ ngay tại đó.

Vũ Công Duệ

Ngày xưa, vào đời Lê có Vũ Công Duệ người làng Trình Xá, huyện Sơn Vi, tỉnh Sơn Tây. Hồi còn nhỏ, cha mẹ đi cày vắng nhà, Duệ chơi với bọn trẻ con trong xóm, nặn đất làm con voi, bắt hai con bướm làm hai tai, cầm con đĩa làm vòi, lấy bốn con cua làm chân, thành ra voi đất mà vẫn được tai, vòi co lên quắp xuống và chân đi được, ai trông thấy cũng cho là tinh quái.

Một lần, có người đến đòi nợ hỏi: "Bố mày đâu"? Công Duệ đáp: "Bố tôi đi chém cây sống, trồng cây chết". "Mẹ mày đâu"? "Mẹ tôi đi bán gió, mua que". Người đòi nợ lấy làm lạ, không biết cha mẹ nó làm gì mà nó nói thế, hỏi căn vặn nó mãi thì nó cười mà không đáp. Chủ nợ mới dỗ dành bảo nó: "Mày cứ nói thật, ta sẽ tha nợ cho mày, không đòi nữa". Duệ cầm một cục đất dẻo, bảo chủ nợ in tay vào làm tin, người kia cũng in tay vào xem sao. Duệ bèn nói: "Cha tôi đang nhổ mạ cấy lúa, còn mẹ tôi đi bán quạt". Người kia lấy làm kỳ dị. Hôm khác lại đến đòi nợ. Duệ đưa hòn đất có vết tay in mà nói: "Tay ông ký vào đây còn đòi gì nữa"? Người kia đứng ngẩn mặt ra, không biết nói làm sao, nhân khuyên cha mẹ Duệ cho đi học và giúp món nợ ấy để lấy món tiền mua sách.

Duệ học rất thông minh, các sách chỉ đọc qua một lần là thuộc. Đến năm Hồng Đức 23 đời vua Thánh Tôn nhà Lê, Duệ thi đỗ Trạng nguyên vào hồi 20 tuổi. Đến khi làm quan, tính khí cương trực, vua cất lên làm đô ngự sử, các quan ai cũng kính nể.

Khi nhà Mạc cướp ngôi vua Lê, đình thần nhiều người a dua về Mạc Đăng Dung, ai không nghe đều bị giết. Đăng Dung sai người dụ Công Duệ về làm quan với mình. Công Duệ nhất định không theo kẻ tiếm vị, nhưng liệu cũng không yên, bèn đeo cả quả ấn ngự sử đấm đầu xuống cửa bể Thần Phù mà chết.

Cách 60 năm sau, nhà Lê trung hưng, khôi phục được thành Thăng Long, sai đúc ấn ngự sử, đúc mãi không thành, mới sai người xuống cửa bể tìm quả ấn trước. Người lặn xuống đến nơi thấy Công Duệ vẫn còn đội mũ áo chỉnh tề, cổ đeo túi ấn, ngồi xếp bằng tròn ở dưới đáy bể như còn sống.

Người ấy sợ hãi lên kể lại, chuyện đến tai vua Vua lấy làm lạ, chắc là khí tinh anh của Công Duệ kết lại, mới sai quan làm lễ cúng bái, rồi sai người vớt xác Công Duệ lên, dùng lễ khâm liệm trọng thể rồi đưa về làng Trinh Xá an táng, phong làm Thượng Đẳng Phúc Thần.

Vua Hóa Cọp

Ngày xưa, về đời nhà Lý có ông Nguyễn Chí Thành, hiệu Minh Không thiền sư, ở chùa Đạm Xá, tỉnh Ninh Bình, theo học Từ Đạo Hạnh từ thuở còn bé. Minh Không thông minh xuất chúng, sau bốn mươi năm học tập, được Đạo Hạnh tin yêu nhất trong số các môn đệ, nên truyền phép cho Khi Đạo Hạnh sắp chết, có dặn Minh Không: "Xưa Đức Thế Tôn đạo quả đã viên thành mà về sau còn bị chứng kim sang (ung thư), huống chi ta pháp thuật chưa đến chỗ tuyệt luân, tránh sao cho khỏi bệnh. Nay ta thác sinh làm đế vương, nếu mai sau có mắc bệnh gì, người nhớ mà cứu ta với".

Vua Lý Thần Tông lên ngôi được ít lâu, mắc phải một chứng bệnh khác thường, mình mẩy mọc lông như hổ và găm thét suốt ngày. Các danh y trong nước được vời đến cũng đều bó tay trước căn bệnh khó hiểu của vua Bồng một hôm có bọn trẻ hát rằng: "Muốn chữa bệnh vua phải tìm Đức Minh Không mới khỏi". Quan địa phương tâu lên, triều đình phái sư giả đi tìm Nguyễn Minh Không vào cung.

Khi sứ giả và thủy thủ mang thuyền đến rước, Minh Không lấy một nồi nhỏ nấu cơm mời ăn. Viên quan cầm đầu cười bảo: "Cả một đoàn chúng tôi mấy chục người mà ngài nấu có một nồi cơm nhỏ thì ăn sao đủ"? Minh Không đáp: "Phái đoàn đông thật, song cứ xin thử ăn xem có đủ không"? Họ tưởng nhà sư nói đùa, nhưng đến lúc chín cơm dọn ra cả đoàn ăn mãi không hết. Ai nấy đều no đủ lấy làm lạ quá. Trời gần tối sứ giả mời nhà sư đi ngay cho chóng và mát mẻ. Minh Không bảo cứ cho quân lính xuống thuyền nằm ngủ, không cần phải vội, sớm mai sẽ gọi dậy đi

sớm. Mọi người xuống thuyền ngủ, đến sáng ngày Minh Không đánh thức dậy, thấy đã đến bến kinh đô, cách xa mấy ngày đường. Cả đoàn đều kinh ngạc về pháp thuật tài tình của Minh Không. Khi vào cung các danh y và ngự y thấy ông râu sồng què kệch, tỏ ý khinh thường, Minh Không cầm một cây đinh dài lối một tấc, cắm vào cung điện mà nói: "Ai nhổ được cái đinh này ra thì mới chữa được bệnh". Các lương y đua nhau mà nhổ chẳng ai nhổ được. Minh Không đưa hai ngón tay khê rút một cái là đinh ra ngay. Vào đến chỗ vua ở, vừa trông thấy mặt, Minh Không nói lớn: "Ai biết được tại sao giàu có đến như vua mà lại mắc bệnh ngặt nghèo hơn cả thường dân"? Vua nghe thấy sợ hãi run rẩy, Minh Không sai lấy dầu đổ vào vạc nấu sôi một trăm chập, rồi thò tay vào quấy, đoan mức dầu tươi và mình vua. Dầu sôi tươi đến đâu thì lông rụng tới đó, trong chốc lát người vua lành lặn như cũ, bệnh khỏi hẳn.

Vua Lý Thần Tông trở lại bình thường, tôn Minh Không làm quốc sư và tạ Ơn rất hậu, nhưng Minh Không không lấy gì cả, rồi cáo từ ra đi.

Liễu Hạnh Tiên Chúa

Buru Văn Phan Kế Bính

Ngày xưa, vào năm Thiệu Hựu, đời Hậu Lê (1557) ở thôn An Thái, làng Vân Cát, huyện Vụ Bản, thuộc tỉnh Nam Định ngày nay, có một gia đình nhà họ Lê Phu nhân Lê Thái Công mang thai gần đến kỳ sinh nở, mắc phải bệnh suy nhược, chỉ thích ăn toàn là hoa quả không có thuốc men nào chữa khỏi.

Một hôm, có một vị đạo sĩ đến ra mắt, xin chữa bệnh cho phu nhân. Trước bàn thờ, người đạo sĩ này đọc mấy câu thần chú, rồi vứt chiếc buá ngọc xuống đất. Ông Lê Thái Công bỗng ngã ra bất tỉnh, rồi thấy mình được đưa lên Thiên Đình. Tại đây, Thái Công thấy mình dự một bữa tiệc lớn, do Ngọc Hoàng khoản đãi. Ông thấy Công Chúa Quỳnh Nương lỡ tay làm rơi chén ngọc, bị đầy ải xuống trần gian.

Khi Thái Công tỉnh dậy, thì hay tin là phu nhân vừa hạ sinh được một cô con gái, Thái Công sung sướng đặt tên con là Giáng Tiên.

Lớn lên, Giáng Tiên xinh đẹp thêm, giỏi văn thơ, đánh đàn thổi sáo và soạn nhiều bài hát rất hay. Năm 18 tuổi, nàng kết duyên cùng Đào Lang, là con nuôi của một vị quan trí sĩ ở cùng làng.

Ba năm sau, vào ngày mồng 3 tháng 3, Giáng Tiên đột ngột từ trần. Người ta nói nàng là tiên trở về thượng giới. Tuy nhiên, Ngọc Hoàng thấy nàng chưa hết hạn đi đày, bắt nàng phải trở xuống thế gian. Lần này, nàng xuất hiện dưới lốt một vị nữ thần, đi theo là hai ngọc nữ Quế Nương và Thị Nương. Theo lệnh thiên đình, Ba vị tiên nữ đã hiện xuống giữa ban ngày ở vùng Phố Cát, tỉnh Thanh Hóa

Ba nàng tiên đã lập chỗ trú ngụ giữa một nơi phong cảnh kỳ tú của nước Việt. Chẳng mấy chốc, cả vùng đều biết tiếng các vị tiên nữ, vì những phép linh ứng của 2 nàng. Dân chúng tỏ lòng biết ơn, đã xây một ngôi đền thờ cạnh núi, để thờ phượng. Đền thờ này được gọi là đền thờ Công Chúa Liễu Hạnh.

Công Chúa Liễu Hạnh thường hiển hiện ban phúc lành cho dân gian. Triều đình nghe danh tiếng, đã phong tặng nàng làm Thượng Đẳng Phúc Thần.

Vào cuối đời Lê, có một vị lão quan tám mươi tuổi, một hôm nằm mộng thấy Công Chúa Liễu Hạnh đi giữa hai ngàn tiên nữ theo hầu, mang đến cho ông một chiếu sắc của Ngọc Hoàng. Trong giấc mơ, ông thấy Công Chúa Liễu Hạnh lên xe mây, có nhiều cờ xí lộng lẫy trùng điệp dẫn đường, và thấy có vô số nhạc công đi theo. Người ta đoán rằng Công Chúa đã mãn kỳ hạn ở trần gian, nay đã trở về trời.

Trong thời gian còn ở Thanh Hoá, Công Chúa Liễu Hạnh đã ngao du khắp nước Việt, nhất là ở Lạng Sơn. Nàng thường hay lui tới các thắng cảnh ở Kinh Đô. Có lần, nàng đã giả dạng làm một cô hàng bán rượu ở Hồ Tây, để họa thơ với danh sĩ Phùng Khắc Khoan cùng hai người bạn của ông họ Ngô và Lý.

Sau khi Liễu Hạnh về trời, hai tiên nữ Quế Nương và Thị Nương thường đứng ra làm trung gian cho dân chúng cầu xin đến Công Chúa. Dân gian tin tưởng Bà Chúa Liễu, lập đền thờ bà khá trọng thể ở Phủ Giày, Nam Định, nơi nàng đầu thai. Dân cũng lập đền thờ Bà Chúa Liễu ở Phố Cát và Đền Sòng tại Thanh Hoá, nơi nàng xuống trần lần thứ hai.

Tại Hà Nội, có Đền Sùng Sơn ở đường Hàng Bột, thờ phượng bà Chúa Liễu. Hàng năm, đến ngày húy của Công Chúa Liễu Hạnh, người ta tưng bừng rước lễ, dân chúng đã đi trải hội rất đông.